HAGL Group

Số: 33/2026/CV-HAGL
(Về việc: Giải trình BCTC Hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Gia Lai, ngày 31 tháng 3 năm 2026

Kính gửi:
- **Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước**
- **Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh**

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") (mã CK: HAG) giải trình biến động kết quả hoạt động kinh doanh trên báo cáo tài chính ("BCTC") hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán như sau:

ĐVT: Ngàn VND

Khoản mục	BCTC hợp nhất năm 2025 (Đã kiểm toán)	BCTC hợp nhất năm 2024 (Đã kiểm toán)	Biến động
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.240.151.385	1.060.121.821	1.180.029.564

Biến động chủ yếu như sau:

- Lợi nhuận gộp tăng 533.532.233 ngàn VND, nguyên nhân chủ yếu lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh trái cây tăng so với năm 2024.
- Lãi từ hoạt động tài chính tăng 987.419.394 ngàn VND, nguyên nhân chủ yếu là do trong năm 2025 Tập đoàn đã được miễn giảm khoản lãi trái phiếu.
- Lỗ khác tăng 291.954.997 ngàn VND, nguyên nhân chủ yếu là do trong năm 2025 Tập đoàn đã thanh lý một số tài sản không hiệu quả, đồng thời phát sinh thêm chi phí chuyển đổi vườn cây.

Trên đây là giải trình của Công ty về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán.

Trân trọng kính chào.

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG ANH GIA LAI

TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 5900377720 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG ANH GIA LAI
TỈNH GIA LAI

NGUYỄN XUÂN THẮNG

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VT-KH&ĐT

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG ANH GIA LAI
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG ANH GIA LAI
DN: C=VN, L=GIA LAI, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG ANH GIA LAI, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5900377720
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.04.01 08:12:11+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2024.4.0

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 75

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Xuân Thắng.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Nguyễn Xuân Thắng
Tổng Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2026

Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Shape the future
with confidence

Số tham chiếu: 11576751/68580807/YE-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") và các công ty con ("Tập đoàn"), được lập vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và được trình bày từ trang 6 đến trang 75 bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ các chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

A member firm of Ernst & Young Global Limited

Shape the future
with confidence

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Vũ Trường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1588-2023-004-1

Huỳnh Ngọc Minh Trân
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 4637-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2026

A member firm of Ernst & Young Global Limited

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
ngày 31 tháng 12 năm 2025

Ngàn VND

Mã số	*TÀI SẢN*	*Thuyết minh*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**8.291.578.593**	**8.435.357.672**
110	***I. Tiền***	***5***	***679.528.813***	***149.708.825***
111	1. Tiền		679.528.813	149.708.825
130	***II. Các khoản phải thu ngắn hạn***		***6.764.930.046***	***7.536.948.369***
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	1.278.907.815	1.383.718.468
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	186.169.316	1.022.089.432
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	2.820.821.916	2.684.222.732
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	2.522.712.107	2.504.387.857
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6, 7, 8, 9	(43.681.108)	(57.470.120)
140	***III. Hàng tồn kho***	***10***	***769.272.018***	***694.457.742***
141	1. Hàng tồn kho		771.613.593	696.799.317
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(2.341.575)	(2.341.575)
150	***IV. Tài sản ngắn hạn khác***		***77.847.716***	***54.242.736***
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	17	46.826.287	28.514.802
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	20	27.600.604	22.588.435
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	20	3.420.825	3.139.499
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**18.090.049.903**	**13.845.458.167**
210	***I. Các khoản phải thu dài hạn***		***12.995.498***	***1.293.470.367***
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	8	-	46.813.199
216	2. Phải thu dài hạn khác	9	12.995.498	1.246.657.168
220	***II. Tài sản cố định***		***8.472.660.629***	***6.567.006.867***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	7.899.661.541	6.319.160.472
222	Nguyên giá		10.415.911.001	8.209.625.199
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(2.516.249.460)	(1.890.464.727)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	572.999.088	247.846.395
228	Nguyên giá		627.337.880	288.535.319
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(54.338.792)	(40.688.924)
230	***III. Bất động sản đầu tư***	***13***	***48.802.868***	***34.296.263***
231	1. Nguyên giá		63.456.715	47.003.809
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(14.653.847)	(12.707.546)
240	***IV. Tài sản dở dang dài hạn***		***8.471.125.700***	***5.022.320.011***
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	8.471.125.700	5.022.320.011
250	***V. Đầu tư tài chính dài hạn***	***16***	***554.395.592***	***557.387.037***
252	1. Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết		6.145.591	-
253	2. Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		917.550.007	917.550.007
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(369.300.006)	(360.162.970)
260	***VI. Tài sản dài hạn khác***		***530.069.616***	***370.977.622***
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	17	530.069.616	370.977.622
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**26.381.628.496**	**22.280.815.839**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2025

Ngàn VND

Mã số	*NGUỒN VỐN*	*Thuyết minh*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**12.199.029.738**	**12.955.187.719**
310	***I. Nợ ngắn hạn***		***10.119.380.225***	***11.122.837.652***
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	18	910.110.263	987.308.074
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	19	231.479.406	196.242.091
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	22.598.862	4.375.602
314	4. Phải trả người lao động		81.623.563	67.888.786
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	21	2.282.987.444	4.004.971.339
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	22	118.739.261	113.629.996
320	7. Vay ngắn hạn	23	6.471.737.916	5.748.318.254
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		103.510	103.510
330	***II. Nợ dài hạn***		***2.079.649.513***	***1.832.350.067***
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	21	36.329.134	169.506.186
337	2. Phải trả dài hạn khác	22	222.748.074	21.938.626
338	3. Vay dài hạn	23	1.429.800.331	1.217.151.938
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	32.2	385.407.140	418.388.483
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn		5.364.834	5.364.834
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**14.182.598.758**	**9.325.628.120**
410	***I. Vốn chủ sở hữu***		***14.182.598.758***	***9.325.628.120***
411	1. Vốn cổ phần	24.1	12.674.679.470	10.574.679.470
411a	*- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*12.674.679.470*	*10.574.679.470*
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	24.1	408.450.000	-
415	3. Cổ phiếu quỹ	24.1	(686.640)	(686.640)
417	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	24.1	(1.263.592.326)	(1.407.086.490)
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (lỗ lũy kế)	24.1	1.392.652.658	(422.660.071)
421a	*- Lỗ lũy kế đến cuối năm trước*		*(730.156.114)*	*(1.436.093.154)*
421b	*- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay*		*2.122.808.772*	*1.013.433.083*
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	25	971.095.596	581.381.851
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**26.381.628.496**	**22.280.815.839**

Phạm Thị Thu Hà	Lê Trương Ý Trâm	Nguyễn Xuân Thắng
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Ngàn VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	27.1	7.484.526.405	5.894.531.814
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	27.1	(52.252.163)	(111.481.812)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	27.1	7.432.274.242	5.783.050.002
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	28	(4.726.829.019)	(3.611.137.012)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.705.445.223	2.171.912.990
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	27.2	295.376.240	280.428.437
22	7. Chi phí tài chính	29	284.396.200	(688.075.391)
23	*- Trong đó: Chi phí lãi vay*		*322.811.599*	*(716.094.685)*
24	8. Phần lãi trong công ty liên kết		170.950	-
25	9. Chi phí bán hàng	30	(452.887.383)	(396.487.002)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	(159.239.442)	(165.284.639)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		2.673.261.788	1.202.494.395
31	12. Thu nhập khác	31	19.366.185	35.942.854
32	13. Chi phí khác	31	(490.993.445)	(215.615.117)
40	14. Lỗ khác	31	(471.627.260)	(179.672.263)
50	15. Lợi nhuận kế toán trước thuế		2.201.634.528	1.022.822.132
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	32.1	-	(922.479)
52	17. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	32.2	38.516.857	38.222.168
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		2.240.151.385	1.060.121.821
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		2.122.808.772	1.013.433.083
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		117.342.613	46.688.738
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu *(VND)*	26	1.910	997
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu *(VND)*	26	1.910	997

Phạm Thị Thu Hà	Lê Trương Y Trâm	Nguyễn Xuân Thắng
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

M.S.D.N: 6900377720 - C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG ANH GIA LAI TỈNH GIA LAI

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Ngàn VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**2.201.634.528**	**1.022.822.132**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao và hao mòn		674.526.278	487.722.491
03	Dự phòng (hoàn nhập dự phòng)		2.604.488	(110.676.324)
04	(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(30.494.167)	29.702.204
05	Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư		(136.928.614)	(197.191.877)
06	Chi phí lãi vay	29	(322.811.599)	716.094.685
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**2.388.530.914**	**1.948.473.311**
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		4.389.345.231	(1.139.245.871)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(1.763.264.625)	234.260.953
11	Giảm các khoản phải trả		(3.059.165.948)	(1.093.852.988)
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		1.921.328	(406.356.942)
14	Tiền lãi vay đã trả		(1.013.799.174)	(294.260.645)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	32.1	(37.667)	(28.881.207)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.072.000)	(2.917.360)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh**		**940.458.059**	**(782.780.749)**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm. xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác		(1.573.529.543)	(793.841.012)
22	Tiền thu do thanh lý. nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác		159.272.607	31.217.343
23	Tiền chi cho vay		(807.562.529)	(457.005.980)
24	Tiền thu hồi cho vay		427.877.726	1.192.724.315
25	Tiền chi để đầu tư. góp vốn vào đơn vị khác trừ đi tiền thu về		(1.839.884.896)	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		19.420.000	434.414.952
27	Tiền thu lãi cho vay. tiền gửi. cổ tức và lợi nhuận được chia		78.705.818	76.598.065
30	**Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư**		**(3.535.700.817)**	**484.107.683**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Ngàn VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		-	1.300.000.000
	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu của công ty con cho cổ đông không kiểm soát		283.292.610	-
33	Tiền thu từ đi vay	23	11.995.238.222	7.926.952.950
34	Tiền trả nợ gốc vay	23	(9.153.468.086)	(8.820.383.607)
40	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính**		**3.125.062.746**	**406.569.343**
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**529.819.988**	**107.896.277**
60	**Tiền đầu năm**		**149.708.825**	**41.812.548**
70	**Tiền cuối năm**	**5**	**679.528.813**	**149.708.825**

Phạm Thị Thu Hà	Lê Trương Y Trâm	Nguyễn Xuân Thắng
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

M.S.D.N: 5900377720 - C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG ANH GIA LAI * TỈNH GIA LAI

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2026

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 5900377720, do Sở Tài chính (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư) Tỉnh Gia Lai cấp ngày 1 tháng 6 năm 2006, và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Quyết định số 124/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 15 tháng 12 năm 2008 với mã giao dịch "HAG".

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có sáu (6) công ty con trực tiếp, mười ba (13) công ty con gián tiếp và một (1) công ty liên kết với chi tiết như sau:

	Tên công ty con	*Trụ sở*	*Tình trạng hoạt động*	*Tỷ lệ biểu quyết* (%)	*Tỷ lệ sở hữu* (%)
	Lĩnh vực nông nghiệp				
(1)	Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (trước đây là "Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai")	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	93,13	93,13
(2)	Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Champasak, Lào	Đang hoạt động	100,00	93,13
(3)	Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	100,00	93,13
(4)	Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	85,00	97,96
(5)	Công ty Cổ Phần Gia súc Lơ Pang	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	100,00	86,50
(6)	Công ty Cổ phần Lê Me	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	100,00	99,64
(7)	Công ty TNHH Sản xuất Bột mì	Stung Treng, Campuchia	Đang hoạt động	100,00	99,64
(8)	Công ty TNHH Nông nghiệp Công Nghệ cao Bolaven	Champasak, Lào	Đang hoạt động	100,00	93,13
(9)	Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Hoàn Thịnh Attapeu	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	100,00	98,64
(10)	Công ty Cổ phần Chế biến Thức ăn Gia súc Trà Bá	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	100,00	98,64
(11)	Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Souk Houng Heang	Champasak, Lào	Trước hoạt động *(i)*	100,00	93,13
(12)	Công ty Cổ phần Thủy sản Cá tầm Bolaven	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	100,00	85,48
(13)	Công ty TNHH MTV Cá tầm Bolaven Paksong	Champasak, Lào	Đang hoạt động	100,00	85,48
(14)	Công ty Cổ phần Nông nghiệp Mang Yang	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	85,00	95,58
(15)	Công ty Cổ phần Nông nghiệp Phú Quý Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	99,00	92,20
(16)	Công ty TNHH Phát triển Nông Lâm nghiệp Sanamxay	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	91,23	84,12
(17)	Công ty TNHH MTV Phát triển Nông Lâm nghiệp Saysetha	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	91,23	84,12

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có sáu (6) công ty con trực tiếp, mười ba (13) công ty con gián tiếp và một (1) công ty liên kết với chi tiết như sau: (tiếp theo)

	Tên công ty con	*Trụ sở*	*Tình trạng hoạt động*	*Tỷ lệ biểu quyết* (%)	*Tỷ lệ sở hữu* (%)
	Lĩnh vực kinh doanh và dịch vụ				
(18)	Công ty Cổ phần Thể thao LPBank Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	100,00	98,43
(19)	Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Viêng Chăn, Lào	Trước hoạt động *(i)*	100,00	100,00
	Công ty liên kết				
(1)	Công ty Cổ phần Dâu Tằm tơ Hàm Rồng	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	50,00	50,00

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có bốn (4) chi nhánh hạch toán phụ thuộc với chi tiết như sau:

	Tên chi nhánh	*Trụ sở*	*Tình trạng hoạt động*	*Tỷ lệ biểu quyết* (%)	*Tỷ lệ sở hữu* (%)
	Dịch vụ hàng hóa - xây dựng				
(1)	Chi nhánh Nguyên vật liệu - Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-	-
(2)	Chi nhánh Cơ khí - Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-	-
(3)	Chi nhánh Chế biến Hoa quả - Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-	-
	Quản lý bất động sản và khách sạn				
(4)	Khách sạn Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-	-

(i) Tình trạng trước hoạt động là tình trạng công ty con đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản, vẫn chưa bắt đầu hoạt động kinh doanh chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2025.

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") là quản lý các khoản đầu tư; kinh doanh vật tư và máy móc thiết bị ngành trồng trọt và chăn nuôi; dịch vụ nông nghiệp; cơ khí; trồng và kinh doanh trái cây và các loại cây trồng khác; chăn nuôi và kinh doanh heo; sản xuất và mua bán cây giống; và các hoạt động về thể thao và giải trí.

Công ty có trụ sở chính tọa lạc tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty cũng có các chi nhánh hạch toán phụ thuộc tọa lạc tại Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

Số lượng nhân viên ký kết hợp đồng lao động dài hạn của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 1.480 (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 1.756).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tập đoàn là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tập đoàn là VND. Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND").

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán năm và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con. Trong trường hợp Tập đoàn không còn nắm quyền kiểm soát các công ty con thì báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc giai đoạn báo cáo mà trong giai đoạn đó Tập đoàn vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu các công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lỗ lũy kế.

2.6 *Giả định hoạt động liên tục*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, nợ ngắn hạn của Tập đoàn đã vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 1.827.801.632 ngàn VND, và cũng tại ngày này, Tập đoàn đang chưa thanh toán các nợ gốc và lãi trái phiếu và nợ gốc và lãi vay quá hạn thanh toán như được trình bày tại *Thuyết minh số 23*.

Vào ngày 26 tháng 3 năm 2026, Công ty đã hoàn tất nghĩa vụ thanh toán theo Văn bản Vào ngày 26 tháng 3 năm 2026, Công ty đã hoàn tất nghĩa vụ thanh toán theo Văn bản Thỏa thuận ngày 9 tháng 12 năm 2025 với DATC, bao gồm việc thanh toán toàn bộ nợ gốc trái phiếu với giá trị 1.099.000.000 ngàn VND và lãi trái phiếu với giá trị 480.371.799 ngàn VND. Vào ngày 31 tháng 3 năm 2026, Công ty đã nhận được thông báo về việc giảm trừ nghĩa vụ trả nợ cho DATC liên quan đến khoản nợ lãi trái phiếu còn lại tại ngày 26 tháng 3 năm 2026 với tổng giá trị 1.534.505.139 ngàn VND. Theo đó, Tập đoàn được xác nhận không còn nghĩa vụ phải trả nợ trái phiếu với DATC tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn đã lập kế hoạch dòng tiền cho 12 tháng tiếp theo dựa vào kỳ vọng về (i) dòng tiền hoạt động kinh doanh tạo ra từ các dự án kinh doanh chính đang triển khai,(ii) dòng tiền từ việc thanh lý một phần các khoản đầu tư tài chính và thu hồi các khoản cho vay từ các đối tác, và (iii) dòng tiền từ các khoản vay ngân hàng thương mại theo các thỏa thuận tín dụng hiện tại. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty dự kiến Tập đoàn sẽ có thể tiếp tục hoạt động và thanh toán các khoản nợ phải trả trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong 12 tháng tiếp theo kể từ ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này. Dựa trên cơ sở này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

2.7 *Quy định kế toán mới đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực*

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99"), thay thế Thông tư số 200/2014/TT BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định khác có liên quan. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các doanh nghiệp có năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.7 *Quy định kế toán mới đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực* (tiếp theo)

Tập đoàn đang trong quá trình đánh giá tác động của Thông tư 99 đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính và sẽ áp dụng Thông tư 99 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền*

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

3.2 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường dựa trên giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu xây dựng, công cụ dụng cụ và hàng hóa	- Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	- Giá gốc thành phẩm áp dụng phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản, nếu có.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 *Tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

3.6 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 20 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 25 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Vườn cây ăn quả	20 năm
Quyền sử dụng đất	20 năm
Phần mềm máy tính	5 - 8 năm
Tài sản khác	8 - 15 năm

Quyền sử dụng đất không thời hạn không cần trích khấu hao.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 *Khấu hao và hao mòn* (tiếp theo)

Vườn cây ăn quả

Ban Tổng Giám đốc ước tính tiêu chuẩn xác định vườn cây đủ điều kiện khai thác để hạch toán tài sản và trích khấu hao khi tỷ lệ đậu trái đạt trên 50% số cây trồng trong lô kể từ thời gian xử lý ra trái.

(i) Khấu hao đối với vườn cây chuối được thực hiện dựa trên Quyết định số 0109/QĐ-HAGL ngày 1 tháng 9 năm 2024 hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn cây chuối theo chu kỳ khai thác là 20 năm.

(ii) Khấu hao đối với vườn cây sầu riêng được thực hiện dựa trên Quyết định số 109/QĐ-HAGL ngày 1 tháng 10 năm 2023 hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn cây sầu riêng theo chu kỳ khai thác là 20 năm.

(iii) Khấu hao đối với vườn lá dâu tằm được thực hiện dựa trên Quyết định số 111/QĐ-HAGL ngày 1 tháng 4 năm 2025 hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn lá dâu tằm theo chu kỳ khai thác là 20 năm.

3.7 *Bất động sản đầu tư*

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị khấu hao và/hoặc giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Tập đoàn có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	30 năm
Quyền sử dụng đất	36 - 43 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng và phát triển các tòa nhà, vườn cây của Tập đoàn mà các dự án này chưa được hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Nhà xưởng, văn phòng và vật kiến trúc

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các nhà xưởng, văn phòng và vật kiến trúc của Tập đoàn như chi phí xây dựng, chi phí khảo sát, thiết kế và các chi phí có liên quan khác.

Vườn cây

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát triển vườn cây ăn quả và các vườn cây khác như chi phí khảo sát, đền bù đất, khai hoang, vườn ươm, phân bón, vận chuyển cây giống, nguyên vật liệu khác, chi phí nhân công, đường đi và hàng rào, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ, thuốc diệt cỏ và các chi phí liên quan khác.

Dự án chăn nuôi

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát triển dự án chăn nuôi.

3.9 *Thuê tài sản*

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh. Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Trường hợp tài sản cho thuê dài hạn thỏa các điều kiện sẽ được ghi nhận doanh thu một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước theo quy định của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm, trừ khi các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các kỳ mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

3.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và chủ yếu là công cụ, dụng cụ, tiền thuê đất và thuê văn phòng trả trước, chi phí phát triển vườn cây ăn quả, chi phí khai hoang, chi phí phát triển cầu thủ và các chi phí khác. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

- Tiền thuê đất và thuê văn phòng trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn, được phân bổ dần không quá ba (3) năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất;
- Chi phí phát triển cây ăn quả, vườn cây khác, chi phí khai hoang bao gồm: chi phí giống, chi phí chuẩn bị đất, trồng và chăm sóc vườn. Các chi phí này được phân bổ theo thời gian gắn liền với đặc tính sinh trưởng của từng loại cây. Chi phí chuẩn bị đất, trồng và chăm sóc vườn cây được phân bổ theo thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này; và
- Chi phí dự án chăn nuôi.

3.12 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý vào ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý vào ngày hợp nhất kinh doanh.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại* (tiếp theo)

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí từ việc hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con được mua, khoản chênh lệch được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng giá gốc trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính tối đa là mười (10) năm. Định kỳ Tập đoàn đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn so với số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

Trong trường hợp Công ty mua lợi ích của cổ đông không kiểm soát của công ty con, chênh lệch giữa giá mua và giá trị ghi sổ tương ứng với lợi ích của cổ đông không kiểm soát được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Trường hợp trước đây công ty mẹ đã thoái một phần vốn tại công ty con và đã ghi nhận kết quả từ việc thoái phần vốn đó trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(lỗ lũy kế) của bảng cân đối kế toán hợp nhất, nay thoái thêm một phần vốn đầu tư tại công ty con dẫn đến mất quyền kiểm soát thì công ty mẹ phải kết chuyển phần lãi, lỗ đã ghi nhận trước đây trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(lỗ lũy kế) sang báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.13 *Mua tài sản và hợp nhất kinh doanh*

Tập đoàn mua các công ty con sở hữu tài sản và có các hoạt động sản xuất kinh doanh. Tại thời điểm mua, Tập đoàn sẽ xác định việc mua công ty con có phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh hay không. Giao dịch này được coi là hoạt động hợp nhất kinh doanh nếu công ty con có các hoạt động sản xuất kinh doanh gắn liền với tài sản được mua.

Nếu việc mua lại công ty con không phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh, giao dịch đó được hạch toán như là một giao dịch mua một nhóm các tài sản và nợ phải trả. Giá phí mua được phân bổ vào các tài sản và nợ phải trả dựa trên giá trị hợp lý tương ứng của các tài sản và nợ phải trả, và không có lợi thế thương mại hay thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận.

3.14 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết của Tập đoàn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của các công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào các công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 *Các khoản đầu tư* (tiếp theo)

Đầu tư vào các công ty liên kết (tiếp theo)

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của các công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Ngoài ra, khi có sự thay đổi được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu của công ty liên kết, Tập đoàn/ Nhóm Công ty sẽ ghi nhận phần chia sẻ của mình tương ứng với các thay đổi đó trong vốn chủ sở hữu. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào các công ty liên kết. Cổ tức nhận được/lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được cấn trừ vào khoản đầu tư vào các công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của các công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư vào đơn vị khác

Đầu tư vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.15 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.16 *Dự phòng*

Tập đoàn ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Tập đoàn có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

3.17 *Lãi trên cổ phiếu*

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi (nếu có) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi (nếu có) và đã điều chỉnh cho lãi ghi nhận trong kỳ của trái phiếu chuyển đổi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo các nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở hoạt động ở nước ngoài

Việc chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con mà việc ghi chép sổ sách được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là VND, cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất, được thực hiện như sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi tương ứng theo tỷ giá mua và bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch vào ngày kết thúc kỳ kế toán;
- Doanh thu, thu nhập khác và các khoản chi phí được quy đổi theo tỷ giá bình quân trong năm; và
- Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con cho mục đích hợp nhất được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi khoản đầu tư được thanh lý.

3.19 *Vốn chủ sở hữu*

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh.

Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Tập đoàn mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo giá gốc và trừ vào vốn chủ sở hữu. Tập đoàn không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Hội đồng Quản trị đề nghị và được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

- *Quỹ đầu tư phát triển*

  Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.

- *Quỹ khen thưởng và phúc lợi*

  Quỹ này được trích lập nhằm đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.21 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện và hoàn thành.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Doanh thu cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.22 *Thuế*

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) vào thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết khi Tập đoàn có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệnh tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) vào thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệnh tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.22 *Thuế* (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.23 *Các bên liên quan*

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

3.24 *Thông tin bộ phận*

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Tập đoàn chủ yếu được xác định dựa trên việc bán các sản phẩm (nông nghiệp, thương mại và dịch vụ). Ban Tổng Giám đốc xác định bộ phận dựa theo khu vực địa lý của Tập đoàn dựa theo địa điểm của tài sản.

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

4.1 *Mua Công ty Cổ phần Nông nghiệp Mang Yang ("Mang Yang")*

Vào ngày 9 tháng 5 năm 2025, Tập đoàn đã hoàn tất mua 40.100.000 cổ phần phát hành mới, tương đương 82,93% tỷ lệ sở hữu trong Mang Yang qua việc chuyển đổi các khoản phải thu với tổng giá phí hợp nhất kinh doanh là 401.000.000 ngàn VND. Theo đó, Mang Yang đã trở thành công ty con trong Tập đoàn kể từ ngày này.

Mang Yang là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 5901209334, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp lần đầu vào ngày 4 tháng 4 năm 2024. Hoạt động kinh doanh chính của Mang Yang trong năm là trồng cây ăn quả.

4.2 *Mua Công ty Cổ phần Thủy sản Cá tầm Bolaven ("Cá tầm Bolaven")*

Vào ngày 24 và ngày 26 tháng 6 năm 2025, Tập đoàn đã hoàn tất mua 15.000.000 cổ phần phát hành mới và mua lại 1.800.000 cổ phần từ các cá nhân khác, tương đương với 98,74% tỷ lệ sở hữu trong Công ty Cá tầm Bolaven, với tổng giá phí hợp nhất kinh doanh là 350.000.000 ngàn VND. Theo đó, Cá tầm Bolaven đã trở thành công ty con trong Tập đoàn kể từ ngày này. Ngoài ra, Tập đoàn cũng đồng thời nắm quyền kiểm soát công ty con do Cá tầm Bolaven sở hữu 100% tại ngày mua là Công ty TNHH Cá tầm Bolaven Paksong.

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM (tiếp theo)

4.2 *Mua Công ty Cổ phần Thủy sản Cá tầm Bolaven ("Cá tầm Bolaven")* (tiếp theo)

Tại ngày mua, Cá tầm Bolaven và công ty con đang sở hữu diện tích đất canh tác nông nghiệp là 150 ha tại Tỉnh Champasak, Lào. Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và đánh giá rằng việc mua cổ phần của Cá tầm Bolaven là mua tài sản, không phải là hợp nhất kinh doanh, cụ thể là phần diện tích đất cho mục đích phát triển các cây trồng nông nghiệp sau này.

Cá tầm Bolaven là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 5901208330, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp lần đầu vào ngày 6 tháng 3 năm 2024. Hoạt động kinh doanh chính của Cá tầm Bolaven và công ty con trong năm là nuôi trồng thủy sản nội địa và trồng cây ăn quả.

4.3 *Mua Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Souk Houng Heang ("SHH")*

Vào ngày 1 tháng 6 năm 2025, Tập đoàn đã hoàn tất mua 100% vốn góp trong SHH bằng tiền và qua việc chuyển đổi các khoản phải thu với tổng giá phí hợp nhất kinh doanh là 228.895.814 ngàn VND. Theo đó, SHH đã trở thành công ty con trong Tập đoàn kể từ ngày này.

Tại ngày mua, SHH đang sở hữu diện tích đất canh tác nông nghiệp là 150 ha tại Tỉnh Champasak, Lào. Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và đánh giá rằng việc mua vốn góp của SHH là mua tài sản, không phải là hợp nhất kinh doanh, cụ thể là phần diện tích đất cho mục đích phát triển các cây trồng nông nghiệp sau này.

SHH là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Lào theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 16-00010343, do Sở Công thương và Thương mại Champasak cấp ngày 23 tháng 8 năm 2023. Hoạt động kinh doanh chính của SHH trong năm là trồng cây ăn quả.

4.4 *Mua Công ty Cổ phần Nông nghiệp Phú Quý Gia Lai ("Phú Quý")*

Vào ngày 11 tháng 12 năm 2025, Tập đoàn đã hoàn tất mua 99% vốn góp trong Phú Quý bằng tiền với tổng giá phí hợp nhất kinh doanh là 1.344.469.500 ngàn VND. Theo đó, Phú Quý đã trở thành công ty con trong Tập đoàn kể từ ngày này. Ngoài ra, Tập đoàn cũng đồng thời nắm quyền kiểm soát các công ty con do Phú Quý sở hữu 91,23% tại ngày mua là Công ty TNHH Phát triển Nông Lâm nghiệp Sanamxay và Công ty TNHH MTV Phát triển Nông Lâm nghiệp Saysetha.

Tại ngày mua, Phú Quý và các công ty con đang sở hữu diện tích đất canh tác nông nghiệp là 42,45 ha tại Tỉnh Gia Lai, Việt Nam và 1.085,23 ha tại Tỉnh Attapeu, Lào. Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và đánh giá rằng việc mua vốn góp của Phú Quý là mua tài sản, không phải là hợp nhất kinh doanh, cụ thể là phần diện tích đất cho mục đích phát triển các cây trồng nông nghiệp sau này.

Phú Quý là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 5901199277, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp lần đầu vào ngày 6 tháng 4 năm 2023. Hoạt động kinh doanh chính của Phú Quý và các công ty con trong năm là trồng cây ăn quả.

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM (tiếp theo)

4.5 *Thay đổi tỷ lệ sở hữu trong Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Đầu tư Quốc tế HAGL")*

Vào ngày 13 tháng 10 năm 2025, Đầu tư Quốc tế HAGL, công ty con trong Tập đoàn, đã hoàn tất việc nhận thêm vốn góp từ các thành viên góp vốn hiện hữu. Theo đó, Công ty góp thêm 300.000.000 ngàn VND trong tổng giá trị vốn góp tăng thêm là 400.000.000 ngàn VND. Việc góp thêm vốn nói trên được thực hiện bằng cách chuyển đổi các khoản phải thu về cho vay và lãi cho vay từ Đầu tư Quốc tế HAGL thành khoản đầu tư góp vốn. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Đầu tư Quốc tế HAGL giảm từ 98,78% còn 93,13%.

Chênh lệch giữa giá phí đầu tư và giá trị ghi sổ tương ứng với phần sở hữu giá trị tài sản thuần của Tập đoàn trong Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai vào ngày giao dịch là 136.579.434 ngàn VND được ghi nhận giảm lợi nhuận chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất (*TM số 24.1*).

4.6 *Thay đổi tỷ lệ sở hữu trong Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang ("Gia súc Lơ Pang")*

Vào ngày 19 tháng 11 năm 2025, Gia súc Lơ Pang, công ty con trong Tập đoàn, đã hoàn tất việc phát hành thêm 16.500.000 cổ phần cho ông Trần Quang Dũng là một cổ đông hiện hữu. Việc góp thêm vốn vào Gia súc Lơ Pang được thực hiện bằng tiền. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang giảm từ 99,67% thành 86,50%.

Chênh lệch giữa giá phí đầu tư và giá trị ghi sổ tương ứng với phần sở hữu giá trị tài sản thuần của Tập đoàn trong Gia súc Lơ Pang vào ngày giao dịch là 59.241.348 ngàn VND được ghi nhận giảm lợi nhuận chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất (*TM số 24.1*).

4.7 *Thay đổi tỷ lệ sở hữu trong Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai ("Chăn nuôi Gia Lai")*

Trong tháng 11 năm 2025, Gia súc Lơ Pang, công ty con trong Tập đoàn, đã hoàn tất việc mua 29.226.086 cổ phần của Chăn nuôi Gia Lai, theo mệnh giá (10.000 VND/cổ phần) từ các cổ đông không kiểm soát. Việc góp thêm vốn được thực hiện bằng tiền. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai tăng từ 85,00% thành 97,96%.

Chênh lệch giữa giá phí đầu tư và giá trị ghi sổ tương ứng với phần sở hữu giá trị tài sản thuần của Tập đoàn trong Chăn nuôi Gia Lai vào ngày giao dịch là 108.603.261 ngàn VND được ghi nhận giảm lợi nhuận chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất (*TM số 24.1*).

4.8 *Giải thể Công ty Cổ phần Nông nghiệp Kon Thụp ("Kon Thụp")*

Trong năm, Kon Thụp đã hoàn tất các thủ tục pháp lý cần thiết để giải thể hoạt động. Theo đó, Tập đoàn đã ghi nhận khoản lỗ là 6.238.932 ngàn VND từ việc giải thể công ty con này vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (*TM số 29*).

5. TIỀN

Ngàn VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Tiền mặt	4.027.271	5.203.706
Tiền gửi ngân hàng	675.501.542	143.865.925
Tiền đang chuyển	-	639.194
TỔNG CỘNG	**679.528.813**	**149.708.825**

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

Ngàn VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Phải thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.273.474.926	1.376.688.046
Trong đó:		
- Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	*753.805.853*	*246.296.165*
- Công ty Cổ phần Cá nước ngọt Gia Lai	*208.646.697*	*221.341.692*
- Công ty Cổ phần Chế biến Thức ăn Gia súc Đông Gia Lai	*83.291.735*	*218.494.975*
- Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nông nghiệp Linkin	*15.436.967*	*76.686.898*
- Các khoản phải thu khác	*212.293.674*	*613.868.316*
Phải thu khác	5.432.889	7.030.422
TỔNG CỘNG	**1.278.907.815**	**1.383.718.468**
Trong đó:		
Phải thu các bên thứ ba	*440.625.554*	*696.649.225*
Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh ("TM") số 33)	*838.282.261*	*687.069.243*
Dự phòng phải thu ngắn hạn khách hàng khó đòi	(5.546.703)	(14.128.653)
GIÁ TRỊ THUẦN	**1.273.361.118**	**1.369.589.815**

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng phải thu ngắn hạn khách hàng khó đòi như sau:

Ngàn VND

		Năm nay	*Năm trước*
Số đầu năm		14.128.653	7.323.416
Cộng:	Dự phòng trích lập trong năm	1.516.171	7.841.396
Trừ:	Thanh lý công ty con trong năm	(1.881.846)	-
Trừ:	Hoàn nhập dự phòng trong năm	(8.216.275)	(1.036.159)
Số cuối năm		5.546.703	14.128.653

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Ngàn VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	168.270.256	996.970.472
Trong đó:		
- *Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên*	*127.491.235*	*969.470.197*
- *Các nhà cung cấp khác*	*40.779.021*	*27.500.275*
Trả trước cho nhà thầu xây dựng và mua máy móc thiết bị	17.899.060	25.118.960
TỔNG CỘNG	**186.169.316**	**1.022.089.432**
Trong đó:		
Trả trước các bên liên quan (TM số 33)	*127.491.235*	*969.470.197*
Trả trước các bên thứ ba	*58.678.081*	*52.619.235*
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi	(4.869.307)	(6.549.643)
GIÁ TRỊ THUẦN	**181.300.009**	**1.015.539.789**

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi như sau:

Ngàn VND

	Năm nay	*Năm trước*
Số đầu năm	6.549.643	404.852
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	1.863.578	6.178.923
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(3.543.914)	(34.132)
Số cuối năm	4.869.307	6.549.643

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

Ngàn VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn		
Cho vay ngắn hạn bên liên quan *(TM số 33) (i)*	1.675.988.132	2.361.062.055
Cho vay ngắn hạn các bên thứ ba *(ii)*	1.144.833.784	323.160.677
	2.820.821.916	2.684.222.732
Dài hạn		
Cho vay dài hạn các bên thứ ba	-	46.813.199
	-	46.813.199
TỔNG CỘNG	**2.820.821.916**	**2.731.035.931**
Dự phòng phải thu về cho vay khó đòi	(21.288.525)	(23.959.811)
GIÁ TRỊ THUẦN	**2.799.533.391**	**2.707.076.120**

Chi tiết tình hình tăng/(giảm) dự phòng phải thu về cho vay khó đòi như sau:

Ngàn VND

	Năm nay	*Năm trước*
Số đầu năm	23.959.811	18.363.688
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	406.619	6.449.938
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(3.077.905)	(853.815)
Số cuối năm	21.288.525	23.959.811
Trong đó:		
Ngắn hạn	*21.288.525*	*23.959.811*

(i) Đây là các khoản cho vay tín chấp cho các bên liên quan với thời hạn hoàn trả trong năm 2026 và hưởng lãi suất 7,5%/năm.

(ii) Đây là khoản cho vay các bên thứ ba có tài sản thế chấp với thời hạn hoàn trả trong năm 2026 và hưởng lãi suất 7,95% - 12%/năm.

9. PHẢI THU KHÁC

Ngàn VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn		
Đặt cọc Hợp tác Kinh doanh ("HTKD") *(*)*	820.000.000	1.520.000.000
Trong đó:		
- Công ty TNHH Nông nghiệp Thành Trung	*820.000.000*	*820.000.000*
- Công ty TNHH Nông nghiệp Phú Quý Gia Lai	-	*700.000.000*
Phải thu từ Hợp đồng HTKD *(**)*	762.210.840	350.000.000
Trong đó:		
- Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	*350.000.000*	*350.000.000*
- Công ty TNHH MTV PTNN và Trồng dâu tằm Bolaven	*191.873.563*	-
- Công ty TNHH Phát triển Nông Lâm nghiệp Banlung	*132.137.128*	-
- Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Cà phê và Macadamia Paksong	*88.200.149*	-
Cho mượn	642.535.922	454.008.253
Phải thu lãi cho vay	260.629.919	137.514.178
Tạm ứng cho nhân viên	25.668.364	25.179.051
Phải thu ngắn hạn khác	11.667.062	17.686.375
	2.522.712.107	2.504.387.857
Dài hạn		
Phải thu Hợp đồng HTKD	-	1.227.571.267
Phải thu lãi cho vay	-	6.703.400
Phải thu dài hạn khác	12.995.498	12.382.501
	12.995.498	1.246.657.168
TỔNG CỘNG	**2.535.707.605**	**3.751.045.025**
Trong đó:		
Phải thu khác các bên thứ ba	*697.892.103*	*2.856.727.210*
Phải thu khác ngắn hạn các bên liên quan (TM số 33)	*1.837.815.502*	*894.317.815*
Dự phòng phải thu khác khó đòi	(11.976.573)	(12.832.013)
GIÁ TRỊ THUẦN	**2.523.731.032**	**3.738.213.012**

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng phải thu khác khó đòi như sau:

Ngàn VND

	Năm nay	*Năm trước*
Số đầu năm	12.832.013	14.129.951
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	6.380.091	2.976.898
Trừ: Thanh lý công ty con	(5.374.624)	-
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(1.860.907)	(4.274.836)
Số cuối năm	11.976.573	12.832.013
Trong đó:		
Ngắn hạn	*11.976.573*	*12.832.013*

9. PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

(*) Đây là khoản đặt cọc theo các Hợp đồng đặt cọc HTKD số 2905/2023/DCHTKD/LM-TT ngày 29 tháng 5 năm 2023 và phụ lục gia hạn hợp đồng số 1 ngày 28 tháng 5 năm 2024 với Công ty TNHH Nông nghiệp Thành Trung với giá trị đặt cọc là 820.000.000 ngàn VND nhằm phát triển dự án cây ăn trái với tổng diện tích ước tính là 4.484 ha tọa lạc tại Bản Madka và Bản Nongmuang, Huyện Sanamxay và Bản Kengnhay, Huyện Saysettha, Tỉnh Attapeu, Lào. Các bên sẽ tiến hành HTKD vào năm 2025 và dự án dự kiến sẽ hoàn thành đầu tư vào năm 2027. Hợp đồng HTKD không yêu cầu thành lập pháp nhân mới và lợi nhuận sẽ được phân chia dựa vào kết quả kinh doanh của dự án, bắt đầu từ khi dự án phát sinh doanh thu.

(**) Đây là khoản phải thu theo các Hợp đồng HTKD nhằm phát triển dự án cây ăn trái với các công ty với chi tiết như sau:

- Hợp đồng HTKD số 2010/2020/HTĐTKD/LEME-DVTN ngày 20 tháng 10 năm 2020 với Công ty TNHH Dịch Vụ Nông nghiệp Tây Nguyên về việc hợp tác đầu tư vào dự án trồng cây ăn trái tại Tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Hợp đồng HTKD không yêu cầu thành lập pháp nhân mới và lợi nhuận sẽ được phân chia dựa vào kết quả kinh doanh của dự án, bắt đầu từ khi dự án phát sinh doanh thu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, dự án vẫn đang trong quá trình xây dựng cơ bản và chưa phát sinh doanh thu.
- Hợp đồng HTKD số 01/05/25KX-DTBLV ngày 1 tháng 5 năm 2025 với Công ty TNHH MTV PTNN và Trồng dâu tằm Bolaven về việc hợp tác đầu tư vào dự án trồng cây ăn trái tại Tỉnh Attapeu, Lào. Hợp đồng HTKD không yêu cầu thành lập pháp nhân mới và lợi nhuận sẽ được phân chia dựa vào kết quả kinh doanh của dự án, bắt đầu từ khi dự án phát sinh doanh thu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, dự án vẫn đang trong quá trình xây dựng cơ bản và chưa phát sinh doanh thu.
- Hợp đồng HTKD số 01/2025BM-BL ngày 2 tháng 1 năm 2025 với Công ty TNHH PTNN Nông Lâm nghiệp Ban Lung về việc hợp tác đầu tư vào dự án trồng cây ăn trái tại Tỉnh Stung Treng, Campuchia. Hợp đồng HTKD không yêu cầu thành lập pháp nhân mới và lợi nhuận sẽ được phân chia dựa vào kết quả kinh doanh của dự án, bắt đầu từ khi dự án phát sinh doanh thu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, dự án vẫn đang trong quá trình xây dựng cơ bản và chưa phát sinh doanh thu.
- Hợp đồng HTKD số 01/07/25KX-MCCF ngày 1 tháng 7 năm 2025 với Công ty TNHH MTV PTNN Macadamia và cà phê Paksong về việc hợp tác đầu tư vào dự án trồng cây ăn trái tại Tỉnh Champasak, Lào. Hợp đồng HTKD không yêu cầu thành lập pháp nhân mới và lợi nhuận sẽ được phân chia dựa vào kết quả kinh doanh của dự án, bắt đầu từ khi dự án phát sinh doanh thu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, dự án vẫn đang trong quá trình xây dựng cơ bản và chưa phát sinh doanh thu.

10. HÀNG TỒN KHO

Ngàn VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Chi phí sản xuất. kinh doanh dở dang	568.227.823	525.227.841
Trong đó:		
- Hoạt động sản xuất. trồng trọt (i)	*451.258.438*	*351.364.186*
- Chăn nuôi	*116.817.801*	*173.702.955*
- Hợp đồng xây dựng	*151.584*	*160.700*
Hàng hóa	113.856.293	60.141.005
Nguyên vật liệu	83.421.359	82.086.953
Thành phẩm	4.570.356	26.166.277
Công cụ. dụng cụ	1.537.762	3.177.241
TỔNG CỘNG	**771.613.593**	**696.799.317**
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.341.575)	(2.341.575)
GIÁ TRỊ THUẦN	**769.272.018**	**694.457.742**

(i) Một phần chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (hoạt động sản xuất, trồng trọt) được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn *(TM số 23)*.

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Ngàn VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	*Máy móc, thiết bị*	*Phương tiện vận tải, truyền dẫn*	*Thiết bị văn phòng*	*Vườn cây ăn quả*	*Tổng cộng*
Nguyên giá						
Số đầu năm	2.744.611.007	215.679.343	529.786.457	4.279.003	4.715.269.389	8.209.625.199
Mua công ty con	106.752.444	7.048.288	13.425.279	-	1.253.018.198	1.380.244.209
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	361.566.317	517.701	161.431.259	-	440.208.390	963.723.667
Mua mới trong năm	1.000.000	41.370.694	16.892.653	167.028	-	59.430.375
Phân loại lại	51.724.998	(5.721.823)	(755.424)	-	(107.542.632)	(62.294.881)
Xóa sổ và thanh lý tài sản	(9.849.172)	-	(10.404.834)	-	(205.991.464)	(226.245.470)
Chênh lệch tỷ giá	39.306.858	834.894	12.566.894	-	38.719.256	91.427.902
Số cuối năm	3.295.112.452	259.729.097	722.942.284	4.446.031	6.133.681.137	10.415.911.001
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	*41.595.626*	*21.159.222*	*30.752.160*	*2.951.130*	*6.797.500*	*103.255.638*
Giá trị khấu hao lũy kế						
Số đầu năm	(552.753.827)	(95.151.280)	(203.245.111)	(3.823.180)	(1.035.491.329)	(1.890.464.727)
Mua công ty con	(1.915.986)	(375.737)	(280.637)	-	(1.729.603)	(4.301.963)
Khấu hao trong năm	(166.948.259)	(20.658.777)	(55.128.317)	(260.967)	(438.433.066)	(681.429.386)
Phân loại lại	344.731	1.021.851	-	-	51.482	1.418.064
Xóa sổ và thanh lý tài sản	2.607.887	-	4.021.256	-	68.881.103	75.510.246
Chênh lệch tỷ giá	(6.585.999)	(348.564)	(3.325.423)	-	(6.721.708)	(16.981.694)
Số cuối năm	(725.251.453)	(115.512.507)	(257.958.232)	(4.084.147)	(1.413.443.121)	(2.516.249.460)
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	2.191.857.180	120.528.063	326.541.346	455.823	3.679.778.060	6.319.160.472
Số cuối năm *(*)*	2.569.860.999	144.216.590	464.984.052	361.884	4.720.238.016	7.899.661.541

(*) Các tài sản này đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn *(TM số 23 và 34)*.

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Ngàn VND

	Quyền sử dụng đất	*Phần mềm máy tính*	*Tổng cộng*
Nguyên giá			
Số đầu năm	273.552.454	14.982.865	288.535.319
Mua công ty con	198.944.758	-	198.944.758
Mua mới	139.712.803	145.000	139.857.803
Số cuối năm	612.210.015	15.127.865	627.337.880
Trong đó:			
Đã hao mòn hết	-	*14.874.689*	*14.874.689*
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	(25.786.289)	(14.902.635)	(40.688.924)
Mua công ty con	(2.194.459)	-	(2.194.459)
Hao mòn trong năm	(11.416.591)	(38.818)	(11.455.409)
Số cuối năm	(39.397.339)	(14.941.453)	(54.338.792)
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	247.766.165	80.230	247.846.395
Số cuối năm	572.812.676	186.412	572.999.088
Trong đó:			
Thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay (TM số 23 và 34)	*103.744.158*	-	*103.744.158*

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Ngàn VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc
Nguyên giá	
Số đầu năm	47.003.809
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	16.452.906
Số cuối năm	63.456.715
Giá trị khấu hao lũy kế	
Số đầu năm	(12.707.546)
Khấu hao trong năm	(1.946.301)
Số cuối năm	(14.653.847)
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	34.296.263
Số cuối năm	48.802.868
Trong đó:	
Thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay (TM số 23)	*35.241.992*

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

Thuyết minh bổ sung:

Các khoản doanh thu cho thuê và chi phí hoạt động liên quan đến bất động sản đầu tư được trình bày như sau:

Ngàn VND

	Năm nay	*Năm trước*
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	5.486.055	3.663.002
Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của các bất động sản đầu tư tạo thu nhập cho thuê	2.087.999	2.072.321

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31 tháng 12 năm 2025. Tuy nhiên, dựa trên giá trị thị trường của các tài sản, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

Ngàn VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Chi phí phát triển vườn cây ăn quả *(*)*	7.544.443.151	3.941.985.516
Dự án chăn nuôi *(*)*	787.066.219	990.263.029
Nhà xưởng và nhà máy nông trường	35.343.946	28.953.675
Khác	104.272.384	61.117.791
TỔNG CỘNG	**8.471.125.700**	**5.022.320.011**

(*) Các khoản này đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn *(TM số 23)*.

15. CHI PHÍ ĐI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA

Trong năm, Tập đoàn đã vốn hóa các chi phí lãi vay với tổng giá trị là 34.632.150 ngàn VND vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024: 19.357.090 ngàn VND). Các khoản chi phí lãi vay này phát sinh từ các khoản vay ngân hàng để tài trợ vốn cho việc xây dựng và phát triển các vườn cây ăn quả và các dự án khác.

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Ngàn VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Đầu tư vào các công ty liên kết *(TM số 16.1)*	6.145.591	-
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác *(TM số 16.2)*	917.550.007	917.550.007
TỔNG CỘNG	**923.695.598**	**917.550.007**
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(369.300.006)	(360.162.970)
GIÁ TRỊ THUẦN	**554.395.592**	**557.387.037**

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

16.1 *Đầu tư vào công ty liên kết*

Tên công ty liên kết	*Lĩnh vực kinh doanh*	*Số cuối năm*		*Số đầu năm*	
		Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	*Giá trị*	*Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết*	*Giá trị*
		(%)	*Ngàn VND*	*(%)*	*Ngàn VND*
Công ty Cổ phần Dâu Tằm tơ Hàm Rồng	Sản xuất sợi	50,00	6.145.591	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông *(*)*	Tư vấn và thiết kế	-	-	25,00	-
TỔNG CỘNG			**6.145.591**		-

(*) Vào ngày 20 tháng 5 năm 2025, Công ty đã hoàn tất chuyển nhượng toàn bộ cổ phần sở hữu trong Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông với giá chuyển nhượng là 6.000.000 ngàn VND. Theo đó, Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông không còn là công ty liên kết của Tập đoàn.

16.2 *Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác*

Tên công ty	*Lĩnh vực kinh doanh*	*Số cuối năm*		*Số đầu năm*	
		Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	*Giá gốc đầu tư*	*Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết*	*Giá gốc đầu tư*
		%	*Ngàn VND*	*%*	*Ngàn VND*
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (HNG) *(*)*	Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp	8,24	909.019.966	8,24	909.019.966
Công ty Cổ phần Truyền thông Thanh Niên	Truyền thông	2,00	6.200.000	2,00	6.200.000
Công ty Cổ phần Bóng đá chuyên nghiệp Việt nam	Bóng đá	-	1.170.000	-	1.170.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Hàng không Viễn Đông	Thương mại và vận tải	-	1.160.041	-	1.160.041
TỔNG CỘNG			**917.550.007**		**917.550.007**
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn			(369.300.006)		(360.162.970)
GIÁ TRỊ THUẦN			**548.250.001**		**557.387.037**

(*) Toàn bộ cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay *(TM số 23)*.

Vào ngày 16 tháng 1 năm 2026, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng toàn bộ 91.375.000 cổ phiếu HNG cho các nhà đầu tư khác, với tổng giá trị chuyển nhượng là 593.937.500 ngàn VND và ghi nhận khoản lợi nhuận từ việc thanh lý là 45.093.562 ngàn VND *(TM số 37)*.

17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Ngàn VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn		
Chi phí cải tạo vườn cây ăn quả	44.261.977	6.929.278
Công cụ, dụng cụ	1.174.793	14.478.879
Chi phí khác	1.389.517	7.106.645
	46.826.287	28.514.802
Dài hạn		
Chi phí đất	376.366.527	161.870.366
Chi phí cải tạo vườn cây ăn quả	103.366.752	78.025.529
Dự án chăn nuôi *(*)*	12.419.054	62.903.782
Công cụ, dụng cụ	11.113.494	53.717.079
Chi phí khác	26.803.789	14.460.866
	530.069.616	370.977.622
TỔNG CỘNG	**576.895.903**	**399.492.424**

(*) Các khoản này đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn *(TM số 23).*

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Ngàn VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Phải trả người bán hàng hóa và dịch vụ	842.891.845	955.741.541
Trong đó:		
- *Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Phát triển Do Holdings*	*386.820.688*	*500.773.641*
- *Công ty Cổ phần IAPACCO*	*106.754.851*	*123.643.769*
- *Công ty Cổ phần Cá nước ngọt Gia Lai*	-	*17.370.300*
- *Các nhà cung cấp khác*	*349.316.306*	*313.953.831*
Phải trả người bán máy móc và thiết bị	44.701.237	1.162.384
Phải trả nhà thầu xây dựng	22.517.181	30.404.149
TỔNG CỘNG	**910.110.263**	**987.308.074**
Trong đó:		
Phải trả các bên thứ ba	*873.534.665*	*934.456.558*
Phải trả các bên liên quan (TM số 33)	*36.575.598*	*52.851.516*

19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

Ngàn VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Bên thứ ba trả tiền trước	231.479.406	196.242.091
Trong đó:		
- *Công ty TNHH Vinacapital Phước Điền*	*162.680.988*	*162.680.988*
- *Các khách hàng khác*	*68.798.418*	*33.561.103*

20. THUẾ

Ngàn VND

	Số đầu năm	*Số tăng trong năm*	*Số giảm trong năm*	*Số cuối năm*
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	22.588.435	532.912.977	(527.900.808)	27.600.604
Thuế thu nhập doanh nghiệp *(TM số 32.1)*	7.539	-	(7.539)	-
Thuế khác	3.131.960	4.086.659	(3.797.794)	3.420.825
TỔNG CỘNG	**25.727.934**	**536.999.636**	**(531.706.141)**	**31.021.429**
Phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	1.980.608	33.168.729	(15.635.632)	19.513.705
Thuế thu nhập cá nhân	1.924.169	502.269.865	(501.108.877)	3.085.157
Thuế thu nhập doanh nghiệp *(TM số 32.1)*	103.625	-	(103.625)	-
Thuế khác	367.200	4.228.090	(4.595.290)	-
TỔNG CỘNG	**4.375.602**	**539.666.684**	**(521.443.424)**	**22.598.862**

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Ngàn VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn		
Chi phí lãi vay	2.168.988.964	3.910.661.407
Chi phí hoạt động	89.382.923	71.119.835
Chi phí khác	24.615.557	23.190.097
	2.282.987.444	4.004.971.339
Dài hạn		
Chi phí lãi vay	36.329.134	169.506.186
TỔNG CỘNG	**2.319.316.578**	**4.174.477.525**

22. PHẢI TRẢ KHÁC

Ngàn VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn		
Phải trả tiền mượn từ các công ty và cá nhân *(i)*	62.620.187	63.520.814
Phải trả nhân viên	9.706.921	2.678.043
Khác	46.412.153	47.431.139
	118.739.261	113.629.996
Dài hạn		
Phải trả tiền mượn từ các công ty và cá nhân *(i)*	217.210.195	21.938.626
Khác	5.537.879	-
	222.748.074	21.938.626
TỔNG CỘNG	**341.487.335**	**135.568.622**
Trong đó:		
Phải trả các bên thứ ba	*339.440.551*	*127.792.055*
Phải trả ngắn hạn các bên liên quan (TM số 33)	*2.046.784*	*7.776.567*

(i) Khoản mượn không lãi suất và không yêu cầu tài sản đảm bảo từ các cá nhân, các công ty khác và các bên liên quan của Tập đoàn nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động của Tập đoàn.

23. VAY

Ngàn VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn		
Vay ngắn hạn ngân hàng *(TM số 23.1)*	5.039.319.600	3.426.076.776
Vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả *(TM số 23.2)*	1.099.000.000	1.918.506.150
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả *(TM số 23.3)*	333.418.316	344.191.553
Vay dài hạn từ công ty và cá nhân đến hạn trả *(TM số 23.4)*	-	43.543.775
Vay ngắn hạn từ công ty	-	16.000.000
	6.471.737.916	5.748.318.254
Dài hạn		
Vay dài hạn trái phiếu *(TM số 23.2)*	987.332.222	1.171.204.218
Vay dài hạn ngân hàng *(TM số 23.3)*	297.576.892	15.462.281
Vay dài hạn từ công ty và cá nhân *(TM số 23.4)*	144.891.217	30.485.439
	1.429.800.331	1.217.151.938
TỔNG CỘNG	**7.901.538.247**	**6.965.470.192**

23. VAY (tiếp theo)

Tình hình tăng s(giảm) các khoản vay như sau:

Ngàn VND

	Vay ngắn hạn	*Vay dài hạn*	*Tổng cộng*
Số đầu năm	5.748.318.254	1.217.151.938	6.965.470.192
Tiền thu từ đi vay	10.699.589.129	1.295.649.093	11.995.238.222
Mua công ty con	1.447.697	78.012.000	79.459.697
Cấn trừ công nợ	(6.447.697)	(6.000.000)	(12.447.697)
Phát hành cổ phiếu để hoán đổi nợ *(*)*	(1.642.000.000)	(358.000.000)	(2.000.000.000)
Chi phí phát hành trái phiếu	9.493.849	(6.871.999)	2.621.850
Phân loại lại	(37.167.758)	37.167.758	-
Vay dài hạn đến hạn trả	834.635.069	(834.635.069)	-
Chênh lệch tỷ giá	16.187.459	8.476.610	24.664.069
Tiền chi trả nợ gốc vay	(9.152.318.086)	(1.150.000)	(9.153.468.086)
Số cuối năm	6.471.737.916	1.429.800.331	7.901.538.247

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 02/25/NQĐHCĐ-HAGL ngày 24 tháng 8 năm 2025, Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 21/25/NQHĐQT-HAGL ngày 25 tháng 9 năm 2025, các Biên bản Thoả thuận giữa Công ty và các bên cho vay ngày 25 tháng 8 năm 2025, các Hợp đồng Hoán đổi nợ, các bên đã thống nhất rằng Công ty sẽ thực hiện phát hành cổ phiếu cho các bên cho vay để hoán đổi khoản vay dài hạn với giá trị là 2.000.000.000 Ngàn VND và một phần khoản lãi vay phải trả với giá trị là 520.000.000 Ngàn VND.

Theo đó, vào ngày 25 tháng 9 năm 2025, Công đã ty hoàn tất đợt phát hành thêm 210.000.000 cổ phiếu phổ thông và giá phát hành là 12.000 VND/ cổ phiếu *(TM số 24.1)*.

23.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau:

Ngàn VND

Tên ngân hàng	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Ngân hàng Thương mại Cổ phần ("TMCP") Phương Đông - Chi nhánh Đắk Lắk	3.429.160.732	1.999.928.127
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội	663.490.000	731.797.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Gia Lai	399.997.020	339.999.004
Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM - Sở Giao dịch Đồng Nai	259.939.669	110.000.000
Ngân hàng TNHH MTV Sài Gòn Thương Tín Lào - Chi nhánh Champasak	206.854.473	167.353.249
Ngân hàng Cổ phần Hữu hạn Sài Gòn Thương Tín Campuchia - Chi nhánh Pochentong	79.877.706	76.999.396
TỔNG CỘNG	**5.039.319.600**	**3.426.076.776**

Các khoản vay này được sử dụng chủ yếu để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động của Tập đoàn.

23. VAY (tiếp theo)

23.1 *Vay ngắn hạn ngân hàng* (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	*Số tiền (Ngàn VND)*	*Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn*	*Lãi suất (%/năm)*	*Tài sản thế chấp*
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đắk Lắk				
Khoản vay 1	1.299.997.937	Từ ngày 3 tháng 7 năm 2026 đến ngày 12 tháng 12 năm 2026	7,70 - 8,70	152.910.000 cổ phần Đầu tư Quốc tế HAGL thuộc sở hữu của Công ty; 5.715.000 cổ phần Đầu tư Quốc tế HAGL thuộc sở hữu của Bà Lê Thị Liễu; 5.795.000 cổ phần Đầu tư Quốc tế HAGL thuộc sở hữu của Ông Trần Quang Dũng; 345.032.600 cổ phần Công ty Cổ phần Lê Me thuộc sở hữu của Công ty; 39.323.900 cổ phần Công ty Cổ phần Lê Me thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai; 8.876.100 cổ phần Công ty Cổ phần Lê Me thuộc sở hữu của Đầu tư Quốc tế HAGL.
Khoản vay 2	1.199.998.661	Từ ngày 6 tháng 2 năm 2026 đến ngày 26 tháng 3 năm 2026	8,55 - 9,85	Toàn bộ tài sản của Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Gia Lai liên quan đến dự án phát triển cây ăn quả kết hợp với chăn nuôi heo theo hướng bền vững tại các Xã: Đăk Ta Ley, Kon Chiêng, Kon Thụp, Lơ Pang, Đăk Yă, Đê Ar, Huyện Mang Yang; Xã Phú An, Xã Cư An, Xã Yang Bắc, Huyện Đăk Pơ; Xã Thành An, Thị xã An Khê, Tỉnh Gia Lai, theo các Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất ("GCNQSDĐ") số BY 440253, BY 440254, BY 440255, BY 440256, BY 440257, BY 440346, BY 440347, DQ129640; 165.750.000 cổ phần Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai thuộc sở hữu của Công ty.
Khoản vay 3	929.164.134	Từ ngày 26 tháng 2 năm 2026 đến ngày 16 tháng 3 năm 2026	8,75 - 9,85	29.250.000 cổ phần Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai thuộc sở hữu của Công ty; 31.348.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của ông Đoàn Nguyên Đức; Toàn bộ tài sản của Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Gia Lai liên quan đến dự án phát triển cây ăn quả kết hợp với chăn nuôi heo theo hướng bền vững tại các Xã: Đăk Ta Ley, Kon Chiêng, Kon Thụp, Lơ Pang, Đăk Yă, Đê Ar, Huyện Mang Yang; Xã Phú An, Xã Cư An, Xã Yang Bắc, Huyện Đăk Pơ; Xã Thành An, Thị xã An Khê, Tỉnh Gia Lai theo các GCNQSĐ số BY 440253, BY 440254, BY 440255, BY 440256, BY 440257, BY 440346, BY 440347, DQ 129640, BY 440746, BY 440348, BY 440349.
TỔNG CỘNG	**3.429.160.732**			

23. VAY (tiếp theo)

23.1 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	*Số tiền (Ngàn VND)*	*Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn*	*Lãi suất (%/năm)*	*Tài sản thế chấp*
Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Hà Nội				
Khoản vay 1	461.250.000	Từ ngày 2 tháng 4 năm 2026 đến ngày 3 tháng 6 năm 2026	8,30 - 9,30	45.000.000 cổ phần Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang thuộc sở hữu của Công ty; Tài sản gắn liền với đất nằm trên thửa đất có GCNQSDĐ số BY 440741 thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai; Tài sản gắn liền với đất theo Giấy phép sử dụng đất nhà nước ("GPSDĐNN") số 889/TNMT thuộc sở hữu của Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay; Thư bảo lãnh của ông Đoàn Nguyên Đức ngày 13/07/2023; Tài sản gắn liền với đất theo GPSDĐNN số 104/TNMT thuộc sở hữu của Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Hoàn Thịnh Attapeu; Tài sản gắn liền với đất là vườn cây theo GCNQSDĐ số BY 440735, BY 440736, BY 440744 và công trình nông nghiệp theo GCNQSDĐ số DD 782896, DD 782897 , DD 782898 thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Gia Lai; Tài sản gắn liền với đất theo GPSDĐNN số 483/STNMT và 0097/TNMT.
Khoản vay 2	202.240.000	Từ ngày 2 tháng 5 năm 2026 đến ngày 14 tháng 7 năm 2026	8,45 - 9,55	
TỔNG CỘNG	**663.490.000**			

23. VAY (tiếp theo)

23.1 *Vay ngắn hạn ngân hàng* (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	*Số tiền (Ngàn VND)*	*Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn*	*Lãi suất (%/năm)*	*Tài sản thế chấp*
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Gia Lai				
Khoản vay 1	199.999.020	Từ ngày 9 tháng 1 năm 2026 đến ngày 29 tháng 6 năm 2026	8,70	28.500.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Ông Đoàn Nguyên Đức
Khoản vay 2	199.998.000	Từ ngày 21 tháng 1 năm 2026 đến ngày 19 tháng 8 năm 2026	8,70	23.751.983 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Ông Đoàn Nguyên Đức; Quyền sử dụng đất ("QSDĐ") và khai thác 10,29 ha tại Xã Ia Tiêm, Huyện Chư Sê, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang; QSDĐ và khai thác 2,58 ha tại Xã IA Băng, Huyện Chư Sê, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang; QSDĐ và khai thác 2,1 ha tại Xã Ia Grai, Huyện Chư Sê, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang; QSDĐ và khai thác 16,5 ha tại Làng Ngol, Xã Ia Băng, Huyện ĐakĐoa, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang; QSDĐ và khai thác 14,4 ha tại Làng Klah, Xã Yang Bắc, Huyện ĐakPơ, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang; QSDĐ và khai thác 1,26 ha ở Thôn Breng, Xã Ia Pếch, Huyện ĐakĐoa, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang; QSDĐ và khai thác 4,59 ha ở Thôn Kênh Siêu, Xã Chư Prông, Huyện Chư Sê, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của Ông Dương Trần Hùng .
TỔNG CỘNG	**399.997.020**			

23. VAY (tiếp theo)

23.1 *Vay ngắn hạn ngân hàng* (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	*Số tiền (Ngàn VND)*	*Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn*	*Lãi suất (%/năm)*	*Tài sản thế chấp*
Ngân hàng TNHH MTV Sài Gòn Thương Tín Lào - Chi nhánh Champasak				
Khoản vay 1	156.293.473	Từ ngày 8 tháng 2 năm 2026 đến ngày 10 tháng 5 năm 2026	LAK: 11,50 USD: 8,00	QSDĐ diện tích 6,83 ha, Thửa số 01, Tờ bản đồ số A 738-638 Bản Hạt san, Huyện Saysetha,Tỉnh Attapeu, Lào thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng; QSDĐ diện tích 48,52 ha, Thửa số 08, Tờ bản đồ số A-730-634 Bản Hạt san, Huyện Saysetha,Tỉnh Attapeu, Lào thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng.
Khoản vay 2	50.561.000	Từ ngày 3 tháng 1 năm 2026 đến ngày 29 tháng 6 năm 2026	11,50	Quyền thuê đất, quyền khai thác và tài sản trên đất bao gồm tài sản đã hình thành và hình thành trong tương lai tại lô đất diện tích 150 ha theo Sổ đăng kí số 1, tờ số 1, GCNQSDĐ số 02, tờ bản đồ số A730-630, Bảng Keangnhai, huyện Saysettha, tỉnh Attapeu thuộc sở hữu của Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay.
TỔNG CỘNG	**206.854.473**			
Ngân hàng Cổ phần Hữu hạn Sài Gòn Thương Tín Campuchia - Chi nhánh Pochentong				
Khoản vay 1	79.877.706	Từ ngày 1 tháng 3 năm 2026 đến ngày 5 tháng 7 năm 2026	8,50	6.700.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Ông Đoàn Nguyên Đức; Bất động sản tọa lạc tại thửa đất 65,66,67,68,69,70,139,143,55,54,53,52,35 Tờ bản đồ số 49, Thôn Kênh Siêu, Xã Chư Pơng, Huyện Chư Sê, Tỉnh Gia Lai thuộc sở hữu của Ông Nguyễn Văn Quý; Bất động sản tọa lạc tại thửa đất 01 và 79, Tờ bản đồ số 3, Xã La Băng, Huyện Chư Prông, Tỉnh Gia Lai thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Phú Quý Gia Lai.

23. VAY (tiếp theo)

23.1 *Vay ngắn hạn ngân hàng* (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	*Số tiền (Ngàn VND)*	*Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn*	*Lãi suất (%/năm)*	*Tài sản thế chấp*
Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM – Sở Giao dịch Đồng Nai				
Khoản vay 1	259.939.669	Từ ngày 9 tháng 3 năm 2026 đến ngày 10 tháng 6 năm 2026	8,10 - 8,70	10.000.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Ông Đoàn Nguyên Đức; 13.000.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Bà Đoàn Hoàng Anh; Bất động sản tọa lạc tại Thửa đất số 04, Tờ bản đồ số 59 theo Giấy Chứng nhận QSDĐ số BD 350931 tại Thôn Hàm Rồng, Xã Ia Băng, Huyện Đăk Đoa, Tỉnh Gia Lai thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Phú Quý Gia Lai.

23. VAY (tiếp theo)

23.2 *Trái phiếu thường*

Chi tiết trái phiếu thường như sau:

Ngàn VND

Tổ chức thu xếp phát hành	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
BIDV và Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BSC") *(*)*	1.099.000.000	3.105.000.000
Công ty Cổ phần chứng khoán OCBS ("OCBS")	1.000.000.000	-
Chi phí phát hành trái phiếu	(12.667.778)	(15.289.632)
TỔNG CỘNG	**2.086.332.222**	**3.089.710.368**
Trong đó:		
Trái phiếu dài hạn	*987.332.222*	*1.171.204.218*
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	*1.099.000.000*	*1.918.506.150*

(*) Vào ngày 29 tháng 12 năm 2025, một phần khoản trái phiếu thường với giá trị gốc là 1.099.000.000 ngàn VND ("Trái phiếu Nhóm A") và lãi trái phiếu lũy kế với giá trị là 2.097.204.291 ngàn VND đã được hoàn tất chuyển nhượng từ BIDV cho DATC. Theo đó, toàn bộ khoản nợ gốc trái phiếu thường tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 thể hiện 1.099 trái phiếu nắm giữ bởi DATC.

23. VAY (tiếp theo)

23.2 *Trái phiếu thường* (tiếp theo)

Tổ chức thu xếp phát hành	*Trái chủ*	*Số tiền (Ngàn VND)*	*Lãi suất (%/năm)*	*Ngày đáo hạn cuối cùng*	*Mục đích*	*Tài sản thế chấp*
BIDV và BSC	DATC *(*)*	1.099.000.000	Trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn mười hai (12) tháng bằng VND được công bố tại Chi nhánh của bốn (4) Ngân hàng thương mại tại Tỉnh Gia Lai, bao gồm: Agribank, BIDV, Vietcombank và Vietinbank cộng với biên độ 3,00 (thực tế trong năm: 7,675% - 8,20%/năm)	Ngày 30 tháng 12 năm 2026 *(**)*	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn	Quyền sử dụng đất và vườn 295,7 ha tại Attapeu, Lào thuộc Công ty TNHH PTNN Khăn Xay; 119 căn hộ chung cư cao cấp HAGL tại Pleiku thuộc sở hữu của Công ty; Nhà máy đá Granit Hoàng Anh Gia Lai tại QL14, xã Ia Băng, huyện Đăk Đoa thuộc sở hữu của Công ty; Quyền sử dụng đất tại phường Phù Đổng, TP.Pleiku, Tỉnh Gia Lai thuộc sở hữu của Công ty; Quyền sử dụng đất và khai thác vườn cây 525,05 ha tại Champasak, Lào thuộc Công ty TNHH MTV PTNN Đại Thắng; Trụ sở văn phòng làm việc Hoàng Anh Gia Lai thuộc sở hữu của Công ty; Khu liên hợp Học viện bóng đá Hoàng Anh Gia Lai thuộc sở hữu của Công ty; 07 xe ô tô thuộc sở hữu của Công ty; 16,5 ha chuối trên đất thuộc Học viện bóng đá Hoàng Anh Gia Lai thuộc sở hữu của Công ty; 2 tầng khu thương mại thuộc Tổ hợp khu chung cư – Thương mại cao cấp Bàu Thạc Gián, Đà Nẵng thuộc sở hữu của Công ty; 91,375,000 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty; 335 ha chuối tại Attapeu, Lào thuộc Công ty MTV Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay; 2.789,7216 ha tại Stung treng, Campuchia thuộc Công ty TNHH sản xuất Bột Mì; Nhà máy gỗ nội thất (tại Chư Prông, Gia Lai) thuộc Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai; Máy móc thiết bị thuộc Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế HAGL; 141,5988 ha tại Stung treng, Campuchia thuộc Công ty TNHH sản xuất Bột Mì; 6.851 con heo giống của Công ty Cổ phần Gia súc Lợ Pang; 9.093 con heo giống của Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai.

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty chưa tiến hành thanh toán nợ gốc và lãi trái phiếu phải trả đến hạn với tổng giá trị là 2.114.485.305 ngàn VND.

Vào ngày 26 tháng 3 năm 2026, Công ty đã hoàn tất nghĩa vụ thanh toán theo Văn bản Thỏa thuận ngày 9 tháng 12 năm 2025 với DATC, bao gồm việc thanh toán toàn bộ nợ gốc trái phiếu với giá trị 1.099.000.000 ngàn VND và lãi trái phiếu với giá trị 480.371.799 ngàn VND. Vào ngày 31 tháng 3 năm 2026, Công ty đã nhận được thông báo về việc giảm trừ nghĩa vụ trả nợ cho DATC liên quan đến khoản nợ lãi trái phiếu còn lại tại ngày 26 tháng 3 năm 2026 với tổng giá trị 1.534.505.139 ngàn VND. Theo đó, Tập đoàn được xác nhận không còn nghĩa vụ phải trả nợ trái phiếu với DATC tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(**) Vào ngày 23 tháng 3 năm 2026, DATC và Công ty thống nhất nội dung sửa đổi Các Điều kiện Trái phiếu 2016, trong đó ngày đáo hạn trái phiếu được điều chỉnh từ 30 tháng 12 năm 2026 thành 26 tháng 3 năm 2026.

23. VAY (tiếp theo)

23.2 *Trái phiếu thường* (tiếp theo)

Tổ chức thu xếp phát hành	*Trái chủ*	*Số tiền (Ngàn VND)*	*Lãi suất (%/năm)*	*Ngày đáo hạn cuối cùng*	*Mục đích*	*Tài sản thế chấp*
OCBS	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Đắk Lắk ("OCB") và Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS ("OCBS")	1.000.000.000	10,50	Ngày 8 tháng 8 năm 2028	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư của Tập đoàn	188.300.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Ông Đoàn Nguyên Đức; 156.930.000 cổ phần Đầu tư Quốc tế HAGL thuộc sở hữu của Công ty; 5.785.000 cổ phần Đầu tư Quốc tế HAGL thuộc sở hữu của Bà Lê Thị Liễu; 5.785.000 cổ phần Đầu tư Quốc tế HAGL thuộc sở hữu của Ông Trần Quang Dũng; Quyền sở hữu và khai thác tài sản gắn liền trên đất với tổng diện tích là 97,7 ha của Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay; Quyền sở hữu và khai thác tài sản gắn liền trên đất với tổng diện tích là 150 ha của Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp và Tơ tằm Bolaven; Quyền sở hữu và khai thác tài sản gắn liền trên đất với tổng diện tích là 30,774 ha của Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao Bolaven; Quyền sở hữu và khai thác tài sản gắn liền trên đất với tổng diện tích là 150 ha của Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Soukhoungheang.

23. VAY (tiếp theo)

23.3 *Vay dài hạn ngân hàng*

Chi tiết các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

Ngàn VND

Tên ngân hàng	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Ngân hàng Liên doanh Lào Việt ("Ngân hàng Lào - Việt") - Chi nhánh Attapeu	317.395.600	311.819.820
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đắk Lắk	217.894.492	-
Ngân hàng TNHH MTV Sài Gòn Thương Tín Lào - Chi nhánh Champasak	95.705.116	46.388.389
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín ("Sacombank") - Chi nhánh Gia Lai	-	1.445.625
TỔNG CỘNG	**630.995.208**	**359.653.834**
Trong đó:		
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả	*333.418.316*	*344.191.553*
Vay dài hạn	*297.576.892*	*15.462.281*

Các khoản vay này được sử dụng chủ yếu để đáp ứng nhu cầu vốn tài trợ cho các dự án vườn cây ăn quả của Tập đoàn.

23. VAY (tiếp theo)

23.3 *Vay dài hạn ngân hàng* (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	*Số tiền (Ngàn VND)*	*Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn*	*Lãi suất (%/năm)*	*Tài sản thế chấp*
Ngân hàng Lào - Việt, Chi nhánh Attapeu				
Khoản vay 1 *(i)*	317.395.600	Từ ngày 26 tháng 11 năm 2026 đến ngày 31 tháng 12 năm 2026	8,50	2 lô đất tại Bản Honglay, Huyện Lamam, Tỉnh Sekong, Lào thuộc sở hữu của Ông Channousit; Trụ sở làm việc của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng tại Bản NongYoi, Huyện Paksong, Tỉnh Champasak, Lào; Quyền sở hữu và khai thác diện tích 939 ha vườn cây ăn quả thuộc sở hữu của Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng.
Trong đó:				
Vay dài hạn đến hạn trả	*317.395.600*			

(i) Vào ngày 23 tháng 10 năm 2025, Công ty và Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng đã trao đổi và cam kết với ngân hàng về việc thanh toán nợ gốc và lãi vay trong thời gian từ ngày 20 tháng 12 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2028.

23. VAY (tiếp theo)

23.3 *Vay dài hạn ngân hàng* (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	*Số tiền (Ngàn VND)*	*Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn*	*Lãi suất (%/năm)*	*Tài sản thế chấp*
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đắk Lắk				
Khoản vay 1	199.744.492	Từ ngày 22 tháng 1 năm 2030 đến ngày 23 tháng 1 năm 2030	10,90 - 11,40	Toàn bộ tài sản của Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Gia Lai liên quan đến dự án phát triển cây ăn quả kết hợp với chăn nuôi heo theo hướng bền vững tại các Xã: Đăk Ta Ley, Kon Chiêng, Kon Thụp, Lơ Pang, Đăk Yă, Đê Ar, Huyện Mang Yang; Xã Phú An, Xã Cư An, Xã Yang Bắc, Huyện Đăk Pơ; Xã Thành An, Thị xã An Khê, Tỉnh Gia Lai, theo các Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất ("GCNQSDĐ") số BY 440253, BY 440254, BY 440255, BY 440256, BY 440257, BY 440346, BY 440347, DQ129640; 165.750.000 cổ phần Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai thuộc sở hữu của Công ty.
Khoản vay 2	18.150.000	Ngày 2 tháng 4 năm 2030	11,40 - 11,50	29.250.000 cổ phần Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai thuộc sở hữu của Công ty; 31.348.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của ông Đoàn Nguyên Đức; Quyền tài sản liên quan đến một phần Dự án phát triển cây ăn quả kết hợp với chăn nuôi heo theo hướng bền vững theo các GCN quyền sử dụng đất số BY 440253, BY 440254, BY 440255, BY 440256, BY 440257, BY 440346, BY 440347, DQ 129640, BY 440746, BY 440348, BY 440349.
TỔNG CỘNG	**217.894.492**			
Trong đó:				
Vay dài hạn	*217.894.492*			

23. VAY (tiếp theo)

23.3 *Vay dài hạn ngân hàng* (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	*Số tiền (Ngàn VND)*	*Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn*	*Lãi suất (%/năm)*	*Tài sản thế chấp*
Ngân hàng TNHH MTV Sài Gòn Thương Tín Lào - Chi nhánh Champasak				
Khoản vay 1	79.682.400	Ngày 4 tháng 7 năm 2028	LAK: 13.00 USD: 8,24	Các quyền sử dụng đất thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng, bao gồm: Quyền sử dụng đất số 01 A-660-668 (bìa đỏ đất 118,2 ha và bìa đỏ đất 3,5 ha) tại Huyện Paksong, Tỉnh Champaksak, Lào; Quyền sử dụng đất số 02 A-658-670 (bìa đỏ đất 6,7 ha và bìa đỏ đất 50,3 ha) tại Huyện Paksong, Tỉnh Champaksak, Lào; Quyền sử dụng đất số 03 A-658-670 (bìa đỏ đất 60,0 ha) tại Huyện Paksong, Tỉnh Champaksak, Lào; Quyền sử dụng đất số 04 A-658-670 (bìa đỏ đất 3,9 ha) tại Huyện Paksong, Tỉnh Champaksak, Lào; Quyền sử dụng đất số 05 A-658-670 (bìa đỏ đất 2,4 ha) tại Huyện Paksong, Tỉnh Champaksak, Lào; Quyền sử dụng đất số 05 A-658-670 (bìa đỏ đất 6,7 ha) tại Huyện Paksong, Tỉnh Champaksak, Lào; Quyền sử dụng đất số 07 A 660-668 (bìa đỏ đất 3,5 ha) tại Huyện Paksong, Tỉnh Champaksak, Lào.
Khoản vay 2	16.022.716	Ngày 7 tháng 6 năm 2026	LAK: 14,20 USD: 8,24	
TỔNG CỘNG	**95.705.116**			
Trong đó:				
Vay dài hạn đến hạn trả	*16.022.716*			
Vay dài hạn	*79.682.400*			

23. VAY (tiếp theo)

23.4 Vay dài hạn từ công ty và cá nhân

Đây là các khoản vay dài hạn từ các công ty và cá nhân nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động của Tập đoàn với chi tiết như sau:

Tên đối tượng	*Số tiền (Ngàn VND)*	*Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn*	*Lãi suất (%/năm)*	*Tài sản thế chấp*
Bà Hồ Thị Kim Chi *(TM số 33)*	72.012.000	Ngày 24 tháng 4 năm 2029	10,00	Tín chấp
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ M.I.S.C Bình Dương	60.543.783	Ngày 2 tháng 4 năm 2029	5,00	Tín chấp
Công ty Cổ phần Tổng hợp PC	12.335.434	Ngày 4 tháng 6 năm 2029	7,95	Tín chấp
TỔNG CỘNG	**144.891.217**			
Trong đó:				
Vay dài hạn	*144.891.217*			

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

24.1 *Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu*

Ngàn VND

	Vốn cổ phần	*Thặng dư vốn cổ phần*	*Cổ phiếu quỹ*	*Chênh lệch tỷ giá hối đoái*	*Quỹ đầu tư phát triển*	*(Lỗ lũy kế) lợi nhuận sau thuế chưa phân phối*	*Tổng cộng*
Năm trước							
Số đầu năm	9.274.679.470	-	(686.640)	(1.525.752.918)	279.895.303	(1.669.170.708)	6.358.964.507
Tăng vốn trong năm	1.300.000.000	-	-	-	-	-	1.300.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	1.013.433.083	1.013.433.083
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	118.666.428	-	-	118.666.428
Giao dịch với cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	(43.745.749)	(43.745.749)
Hoàn nhập quỹ đầu tư và phát triển	-	-	-	-	(279.895.303)	279.895.303	-
Chi thù lao HĐQT, BKS và Thư ký	-	-	-	-	-	(3.072.000)	(3.072.000)
Số cuối năm	10.574.679.470	-	(686.640)	(1.407.086.490)	-	(422.660.071)	8.744.246.269
Năm nay							
Số đầu năm	10.574.679.470	-	(686.640)	(1.407.086.490)	-	(422.660.071)	8.744.246.269
Tăng vốn trong năm *(*)*	2.100.000.000	408.450.000	-	-	-	-	2.508.450.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	2.122.808.772	2.122.808.772
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	143.494.164	-	-	143.494.164
Giao dịch với cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	(304.424.043)	(304.424.043)
Chi thù lao HĐQT, BKS và Thư ký	-	-	-	-	-	(3.072.000)	(3.072.000)
Số cuối năm	12.674.679.470	408.450.000	(686.640)	(1.263.592.326)	-	1.392.652.658	13.211.503.162

(*) Vào ngày 25 tháng 9 năm 2025, Công ty đã hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu để hoán đổi khoản vay dài hạn và một phần khoản phải trả về chuyển đổi lãi trái phiếu, với tổng giá trị là 2.520.000.000 ngàn VND theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông ngày 24 tháng 8 năm 2025 số 02/25/NQĐHĐCĐ-HAGL và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 21/25/NQHĐQT-HAGL ngày 25 tháng 9 năm 2025. Theo đó, Công ty phát hành thêm 210.000.000 cổ phiếu phổ thông với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu và giá phát hành là 12.000 VND/ cổ phiếu. Vào ngày 1 tháng 10 năm 2025, Công ty đã nhận được GCNĐKKD thay đổi lần thứ 35 do Sở Tài chính Tỉnh Gia Lai cấp phê duyệt tăng vốn cổ phần của Công ty lên 12.674.679.470 ngàn VND.

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

24.2 *Cổ phiếu*

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	1.267.467.947	1.057.467.947
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	1.267.467.947	1.057.467.947
Cổ phiếu phổ thông	*1.267.467.947*	*1.057.467.947*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.267.399.283	1.057.399.283
Cổ phiếu phổ thông	*1.267.399.283*	*1.057.399.283*
Số lượng cổ phiếu quỹ	68.664	68.664
Cổ phiếu phổ thông	*68.664*	*68.664*

Cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

Như được trình bày tại *TM số 23*, một phần cổ phiếu phổ thông đã được dùng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

25. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

Ngàn VND

	Năm nay	*Năm trước*
Số đầu năm	581.381.851	318.505.598
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	117.342.613	46.688.738
Giao dịch vốn trong nội bộ Tập đoàn với cổ đông không kiểm soát của các công ty con	127.123.700	216.575.980
Giải thể công ty con	(653.894)	(388.465)
Mua công ty con	145.901.326	-
Số cuối năm	971.095.596	581.381.851

26. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Tập đoàn sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Năm nay	*Năm trước*
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông *(Ngàn VND)*	**2.122.808.772**	**1.013.433.083**
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm	1.111.481.475	1.016.599.378
Lãi trên cổ phiếu *(VND)*		
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.910	997
- Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.910	997

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

27. DOANH THU

27.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Ngàn VND

	Năm nay	*Năm trước*
Doanh thu gộp	**7.484.526.405**	**5.894.531.814**
Trong đó:		
Doanh thu bán trái cây	*5.764.828.583*	*4.245.538.896*
Doanh thu bán hàng hóa	*1.480.475.933*	*552.366.307*
Doanh thu bán heo	*209.291.055*	*1.003.842.567*
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ	*29.930.834*	*85.754.136*
Doanh thu khác	-	*7.029.908*
Khoản giảm trừ	**(52.252.163)**	**(111.481.812)**
Giảm giá hàng bán	*(52.252.163)*	*(111.481.812)*
Doanh thu thuần	**7.432.274.242**	**5.783.050.002**
Trong đó:		
Doanh thu bán trái cây	*5.712.716.007*	*4.138.753.032*
Doanh thu bán hàng hóa	*1.480.475.933*	*552.366.307*
Doanh thu bán heo	*209.151.468*	*1.003.842.567*
Doanh thu cung cấp dịch vụ	*29.930.834*	*85.754.136*
Doanh thu khác	-	*2.333.960*
Trong đó:		
Doanh thu thuần với các bên thứ ba	*7.300.345.589*	*5.454.020.622*
Doanh thu thuần với các bên liên quan (TM số 33)	*131.928.653*	*329.029.380*

27. DOANH THU (tiếp theo)

27.2 *Doanh thu hoạt động tài chính*

Ngàn VND

	Năm nay	*Năm trước*
Lãi cho vay và lãi tiền gửi	269.282.097	233.262.247
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	20.094.143	14.737.495
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư	6.000.000	2.051.976
Cổ tức	-	30.228.605
Khác	-	148.114
TỔNG CỘNG	**295.376.240**	**280.428.437**
Trong đó:		
Doanh thu với các bên liên quan (TM số 33)	*217.754.470*	*217.754.470*
Doanh thu với các bên thứ ba	*77.621.770*	*62.673.967*

28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

Ngàn VND

	Năm nay	*Năm trước*
Giá vốn trái cây	2.927.140.273	2.091.817.155
Giá vốn hàng hóa	1.351.736.375	541.306.755
Giá vốn heo	370.961.511	917.625.166
Giá vốn dịch vụ	76.160.362	53.221.950
Giá vốn khác	830.498	7.165.986
TỔNG CỘNG	**4.726.829.019**	**3.611.137.012**

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Ngàn VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí lãi vay	742.062.782	716.094.685
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	23.039.431	30.894.683
Giải thể công ty con	9.137.036	2.867.444
Dự phòng (hoàn nhập dự phòng) đầu tư tài chính dài hạn	6.238.932	(127.924.536)
Chi phí lãi vay được miễn giảm *(*)*	(1.064.874.381)	-
Khác	-	66.143.115
TỔNG CỘNG	**(284.396.200)**	**688.075.391**

(*) Trong năm, trên cơ sở thực hiện các Văn bản Thỏa thuận giữa Công ty với các bên cho vay ngày 30 tháng 6 năm 2025, trong đó có việc phát hành cổ phần để hoán đổi toàn bộ khoản vay dài hạn và một phần khoản lãi vay phải trả *(Thuyết minh số 23.2 và 24.1)* theo các Hợp đồng Hoán đổi nợ, và thanh toán một phần khoản lãi vay với tổng giá trị là 500.000.000 ngàn VND, Công ty đã được miễn giảm khoản lãi vay còn lại với tổng giá trị là 1.064.874.381 ngàn VND theo các Biên bản Thanh lý Văn bản Thỏa thuận ký trong tháng 12 năm 2025.

30. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Ngàn VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí bán hàng		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	296.569.702	214.383.242
Chi phí lương nhân viên	8.423.874	5.589.929
Chi phí khấu hao và hao mòn	4.371.931	4.972.520
Chi phí khác	143.521.876	171.541.311
	452.887.383	396.487.002
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí lương nhân viên	83.082.082	77.203.527
Chi phí dịch vụ mua ngoài	58.131.226	37.648.488
Chi phí khấu hao	9.046.918	10.236.014
Hoàn nhập dự phòng	(6.532.548)	17.248.214
Chi phí khác	15.511.764	22.948.396
	159.239.442	165.284.639
TỔNG CỘNG	**612.126.825**	**561.771.641**

31. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

Ngàn VND

	Năm nay	*Năm trước*
Thu nhập khác		
Thu nhập từ thanh lý tài sản	10.237.849	-
Các khoản khác	9.128.336	35.942.854
	19.366.185	35.942.854
Chi phí khác		
Lỗ thanh lý tài sản	233.273.950	63.543.273
Chi phí chuyển đổi vườn cây	86.011.120	4.807.678
Khấu hao tài sản ngưng sử dụng	1.836.739	1.534.238
Các khoản phạt	955.597	7.409.678
Các khoản khác	168.916.039	138.320.250
	490.993.445	215.615.117
LỖ KHÁC THUẦN	**(471.627.260)**	**(179.672.263)**

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty và các công ty con tại Việt Nam có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") bằng 20% trên thu nhập chịu thuế (2024: 20%). Các công ty con này cũng được hưởng ưu đãi, miễn, giảm thuế TNDN theo các GCNĐKKD, Giấy phép Đầu tư tương ứng và các luật thuế hiện hành.

Các công ty con của Công ty tại nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế cho các hoạt động kinh doanh chính và 2% trên thu nhập chịu thuế cho hoạt động chuyển nhượng dự án. Các công ty con này cũng được hưởng ưu đãi, miễn, giảm thuế TNDN theo các GCNĐKKD, Giấy phép Đầu tư tương ứng và các luật thuế hiện hành.

Các công ty con của Công ty tại nước Vương quốc Campuchia có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế cho các hoạt động kinh doanh chính. Các công ty con này cũng được hưởng ưu đãi, miễn, giảm thuế TNDN theo các GCNĐKKD, Giấy phép Đầu tư tương ứng và các luật thuế hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Ngàn VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	37.670
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	-	884.809
	-	922.479
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(38.516.857)	(38.222.168)
TỔNG CỘNG	**(38.516.857)**	**(37.299.689)**

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

32.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận kế toán trước thuế và thu nhập chịu thuế:

Ngàn VND

	Năm nay	*Năm trước*
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**2.201.634.528**	**1.022.822.132**
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm):		
Các khoản lỗ từ các công ty con	91.783.763	30.687.041
Lợi nhuận từ công ty liên kết	(170.950)	-
Phân bổ giá trị chênh lệch từ giao dịch mua tài sản ở khía cạnh hợp nhất	363.314.669	327.192.881
Chi phí lãi vay không được khấu trừ *(*)*	-	417.422.347
Thay đổi lãi chưa thực hiện trên hợp nhất	81.178.087	45.722.422
Lợi nhuận từ hoạt động miễn thuế	(1.991.260.425)	(1.790.309.954)
Lãi từ giao dịch mua rẻ	(9.859.555)	-
Cấn trừ lỗ năm trước	(965.904.295)	(133.187.450)
Các khoản khác	229.284.178	79.838.929
Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm hiện hành	**-**	**188.348**
Thuế TNDN ước tính trong năm hiện hành	**-**	**37.670**
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	-	884.809
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính	**-**	**922.479**
Thuế TNDN phải trả đầu năm	103.625	28.054.814
Thuế TNDN phải trả của công ty con mất quyền kiểm soát trong năm	(65.958)	-
Thuế TNDN đã trả trong năm	(37.667)	(28.881.207)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	**-**	**96.086**
Trong đó:		
Thuế TNDN phải trả (TM số 20)	-	*103.625*
Thuế TNDN trả trước (TM số 20)	-	*(7.539)*

(*) Theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP ngày 5 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết, đây là các khoản chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định không được trừ thuế TNDN ước tính bởi Tập đoàn chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

32.2 *Thuế TNDN hoãn lại*

Tập đoàn đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả với các biến động trong năm như sau:

Ngàn VND

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		*Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất*	
	Số cuối năm	*Số đầu năm*	*Năm nay*	*Năm trước*
Thuế TNDN hoãn lại phải trả				
Chênh lệch giá trị hợp lý của tài sản mua trong hợp nhất kinh doanh	378.630.448	413.790.773	(35.160.325)	(42.819.878)
Chênh lệch giá trị hợp lý của tài sản trước hoạt động mua trong hợp nhất kinh doanh	5.535.514	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái từ đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.241.178	4.597.710	(3.356.532)	4.597.710
	385.407.140	**418.388.483**		
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại			***(38.516.857)***	***(38.222.168)***

33. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan của Tập đoàn trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

Bên liên quan	*Mối quan hệ*
Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty TNHH CN&NN Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Cá Nước Ngọt Gia Lai	Công ty liên quan của Giám đốc công ty con *(đến ngày 25 tháng 3 năm 2025)*
Công ty Cổ phần Chế biến Thức ăn Gia súc Đông Gia Lai	Công ty liên quan của Giám đốc công ty con
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan của Giám đốc công ty con
Công ty Cổ phần Dâu Tằm tơ Hàm Rồng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan của thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai - CN Nhà Máy Nhựa	Công ty liên quan của thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Dược Thú y Nasa	Công ty liên quan của thành viên HĐQT *(đến ngày 6 tháng 6 năm 2025)*
Công ty TNHH MTV Bao bì Linh Khang	Công ty liên quan của thành viên Ban Tổng giám đốc
Công ty TNHH Nông nghiệp Thành Trung	Công ty có cùng người đại diện theo pháp luật với công ty con gián tiếp *(từ ngày 11 tháng 12 năm 2025)*
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT
Ông Võ Trường Sơn	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Tổng Giám đốc
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Dai	Thành viên HĐQT độc lập *(đến ngày 6 tháng 6 năm 2025)*
Ông Bùi Lê Quang	Thành viên HĐQT *(đến ngày 6 tháng 6 năm 2025)*
Bà Hồ Thị Kim Chi	Thành viên HĐQT *(từ ngày 6 tháng 6 năm 2025)* kiêm Phó Tổng Giám đốc
Bà Hà Kiết Trân	Thành viên HĐQT độc lập *(từ ngày 6 tháng 6 năm 2025)*
Bà Đỗ Trần Thùy Trang	Trưởng BKS
Ông Phạm Ngọc Châu	Thành viên BKS *(đến ngày 6 tháng 6 năm 2025)*
Ông Nguyễn Tiến Hưng	Thành viên BKS *(đến ngày 6 tháng 6 năm 2025)*
Bà Đoàn Nguyễn Minh Hòa	Thành viên BKS *(từ ngày 6 tháng 6 năm 2025)*
Bà Đinh Thị Lê Sa	Thành viên BKS *(từ ngày 6 tháng 6 năm 2025)*

33. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Danh sách các bên liên quan của Tập đoàn trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	*Mối quan hệ*
Bà Lê Trương Y Trâm	Kế toán trưởng
Bà Đoàn Thị Mai Phương	Thư ký Công ty kiêm Người phụ trách quản trị Công ty
Bà Hồ Thị Mỹ Loan	Thư ký Công ty
Ông Trần Quang Dũng	Phó Giám đốc công ty con
Ông Nguyễn Chí Thắng	Giám đốc công ty con
Ông Nguyễn Ngọc Mai	Giám đốc công ty con
Ông Lê Văn Thạch	Giám đốc công ty con *(đến ngày 7 tháng 2 năm 2025)*

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

Ngàn VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Năm nay*	*Năm trước*
Công ty Cổ phần Cá Nước Ngọt Gia Lai *(*)*	Bán hàng hóa	122.195.930	230.854.890
	Mua hàng hóa	23.373.356	17.759.580
	Chi hộ	3.037.203	7.662.857
	Thu nhập khác	233.943	364.952
	Cung cấp dịch vụ	105.000	-
Công ty Cổ phần Chế biến Thức ăn Gia súc Đông Gia Lai	Cho vay	400.000.000	329.951.498
	Thu hồi cho vay	173.390.396	-
	Lãi cho vay	84.462.556	121.119.676
	Mua hàng hóa	25.685.206	74.456.962
	Bán hàng hóa	9.483.273	98.174.490
	Chi hộ	6.541	-
	Thu nhập khác	-	280.000
Công ty TNHH MTV Bao bì Linh Khang	Mua hàng hóa	105.967.473	75.588.847
	Trả gốc vay	11.000.000	26.000.000
	Lãi vay	557.805	-
	Vay	-	37.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Nhận chuyển nhượng khoản đầu tư	143.042.115	-
	Lãi cho vay	90.835.719	96.634.794
	Mua hàng hóa	3.067.989	15.113.602
	Cho mượn	715.275	-
	Lãi trái phiếu	-	17.277.000
Công ty Cổ phần Dâu Tằm tơ Hàm Rồng	Bán hàng hóa	144.451	-
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Dược Thú y Nasa	Mua hàng hóa	-	9.595.781

(*) Giao dịch trong giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2025 đến ngày 25 tháng 3 năm 2025.

33. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Ngàn VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Phải thu ngắn hạn của khách hàng *(TM số 6)*			
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Bán hàng hóa	753.805.853	246.296.165
Công ty Cổ phần Chế biến Thức ăn Gia súc Đông Gia Lai	Bán hàng hóa	83.291.734	218.494.975
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Bán hàng hóa	521.053	521.053
Công ty Cổ phần Dâu Tằm tơ Hàm Rồng	Bán hàng hóa	372.022	-
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai - CN Nhà Máy Nhựa	Bán hàng hóa	291.599	291.599
Công ty Cổ phần Cá Nước Ngọt Gia Lai *(*)*	Bán hàng hóa	-	221.465.451
		838.282.261	**687.069.243**

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty Cổ phần Cá Nước Ngọt Gia Lai không còn là bên liên quan của Tập đoàn.

Trả trước cho người bán ngắn hạn *(TM số 7)*			
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Ứng trước mua hàng hóa	127.491.235	969.470.197
Phải thu về cho vay ngắn hạn *(TM số 8)*			
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	7,5	1.183.527.287	1.183.527.287
Công ty Cổ phần Chế biến Thức ăn Gia súc Đông Gia Lai	7,5 - 10	490.713.549	1.177.520.568
Công ty TNHH Nông nghiệp Thành Trung	-	1.733.096	-
Các bên liên quan khác	-	14.200	14.200
		1.675.988.132	**2.361.062.055**

Các khoản cho các bên liên quan vay ngắn hạn và dài hạn đã được phê duyệt tại các kỳ họp đại hội đồng cổ đông, phù hợp với các điều khoản và quy định liên quan đến việc cung cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các cổ đông và những người có liên quan theo nghị định 155/2020/NĐ-CP do chính phủ ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.

33. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Ngàn VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
***Phải thu ngắn hạn khác** (TM số 9)*			
Công ty TNHH Nông nghiệp Thành Trung	Đặt cọc HTKD	820.000.000	-
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Cho mượn	431.112.596	410.703.871
	Hợp đồng HTKD	350.000.000	350.000.000
	Lãi cho vay	154.648.107	63.812.388
	Khác	22.000	22.000
Công ty Cổ phần Chế biến Thức ăn Gia súc Đông Gia Lai	Lãi cho vay	79.217.197	67.280.380
	Chi hộ	6.541	-
Công ty Cổ phần Dâu Tằm tơ Hàm Rồng	Cho mượn	2.000.000	-
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Khác	679.661	679.661
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai - CN Nhà Máy Nhựa	Khác	129.400	129.400
Công ty Cổ phần Cá Nước Ngọt Gia Lai *(*)*	Chi hộ	-	1.690.115
		1.837.815.502	**894.317.815**
***Phải trả người bán ngắn hạn** (TM số 18)*			
Công ty TNHH MTV Bao bì Linh Khang	Mua hàng hóa	22.754.769	10.680.626
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Mua hàng hóa	891.516	436.516
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai - CN Nhà Máy Nhựa	Mua hàng hóa	12.929.313	12.922.878
Công ty Cổ phần Cá Nước Ngọt Gia Lai *(*)*	Mua hàng hóa	-	17.370.300
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Dược Thú y Nasa	Mua hàng hóa	-	11.377.676
Các bên liên quan khác	Mua hàng hóa	-	63.520
		36.575.598	**52.851.516**

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty Cổ phần Cá Nước Ngọt Gia Lai không còn là bên liên quan của Tập đoàn.

33. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Ngàn VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
***Phải trả ngắn hạn khác** (TM số 22)*			
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Khác	2.046.784	4.589.720
Ông Lê Văn Thạch	Mượn tiền	-	2.433.711
Ông Trần Văn Dai	Khác	-	753.136
		2.046.784	**7.776.567**
***Vay** (TM số 23)*			
Bà Hồ Thị Kim Chi	Vay	72.012.000	-
Công ty TNHH MTV Bao bì Linh Khang	Vay	-	11.000.000
		72.012.000	**11.000.000**

33. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên của HĐQT, BKS, Ban Tổng Giám đốc và Ban Thư ký tại Công ty trong năm như sau:

Ngàn VND

Tên	*Chức vụ*	*Thu nhập (*)*	
		Năm nay	*Năm trước*
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	2.490.672	2.490.672
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	1.441.127	1.445.675
Ông Võ Trường Sơn	Thành viên HĐQT	1.343.874	1.711.306
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc	1.342.607	1.259.405
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Tổng Giám đốc	1.328.411	1.242.570
Bà Đỗ Trần Thùy Trang	Trưởng Ban Kiểm soát	747.408	738.957
Bà Đoàn Nguyễn Minh Hòa	Thành viên Ban Kiểm soát	360.342	-
Bà Đinh Thị Lệ Sa	Thành viên Ban Kiểm soát	252.076	-
Ông Trần Văn Dai	Thành viên HĐQT độc lập	162.000	324.000
Ông Bùi Lê Quang	Thành viên HĐQT	162.000	216.000
Bà Hà Kiết Trân	Thành viên HĐQT độc lập	162.000	-
Ông Phạm Ngọc Châu	Thành viên Ban Kiểm soát	108.000	216.000
Ông Nguyễn Tiến Hưng	Thành viên Ban Kiểm soát	108.000	144.000
Ông Nguyễn Chí Thắng	Thành viên HĐQT	-	108.000
Ông Lê Hồng Phong	Thành viên Ban Kiểm soát	-	72.000
Các cá nhân khác		871.667	840.367
TỔNG CỘNG		**10.880.184**	**10.808.952**

Ngoài ra, thu nhập của các thành viên của HĐQT, BKS và Ban Tổng Giám đốc tại các công ty con trong năm như sau:

Ngàn VND

Tên	*Chức vụ*	*Thu nhập (*)*	
		Năm nay	*Năm trước*
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc	324.000	310.500
Ông Võ Trường Sơn	Thành viên HĐQT	32.400	32.400
TỔNG CỘNG		**356.400**	**342.900**

(*) Bao gồm tiền lương và/hoặc các khoản thù lao khác.

34. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Tập đoàn thuê các lô đất khác nhau tại Việt Nam, Lào và Campuchia để xây dựng nhà xưởng, câu lạc bộ bóng đá, văn phòng, nuôi gia súc và trồng các loại cây ăn trái. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, tiền thuê cam kết theo hợp đồng thuê các lô đất này được trình bày như sau:

Ngàn VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Dưới 1 năm	22.004.073	21.967.188
Từ 1 đến 5 năm	23.099.980	26.321.973
Trên 5 năm	83.265.095	85.489.119
TỔNG CỘNG	**128.369.148**	**133.778.280**

Các cam kết bảo lãnh

Theo Hợp đồng tín dụng số 01/2015/7694660/HĐTD ký ngày 24 tháng 9 năm 2015 và Hợp đồng tín dụng số 01/2018/7694660/HĐTD ký ngày 2 tháng 10 năm 2018 giữa Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Bá Thước ("Bá Thước") và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hoá ("BIDV Thanh Hóa"), Tập đoàn đã cam kết bảo lãnh cho Bá Thước vay vốn tại BIDV Thanh Hóa theo Thư bảo lãnh vay vốn số 0109/CV-BLHAGL ký ngày 1 tháng 9 năm 2015 với tổng dư nợ gốc là 160.000.000 ngàn VND cùng toàn bộ lãi, phí và phạt phát sinh (nếu có).

35. CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Các loại ngoại tệ:		
- Đồng KIP Lào *(LAK)*	3.392.681.735	3.585.606.944
- Đồng Riels Campuchia *(KHR)*	67.888.191	58.586.200
- Đô la Mỹ *(USD)*	402.133	66.937
- Đồng Nhân dân tệ (CNY)	-	14.394
- Đồng Euro *(EUR)*	153	163
Nợ khó đòi đã xử lý		
- Công ty TNHH MTV Xây Lắp Điện	6.992.216	6.992.216
- Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh GL - Kontum	3.720.000	3.720.000

36. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Tập đoàn lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu, theo đó:

- Doanh thu bộ phận bán hàng ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng, nếu doanh thu bán hàng ra bên ngoài của mỗi bộ phận đó chiếm từ 10% tổng doanh thu trở lên của doanh nghiệp bán hàng ra bên ngoài;
- Tổng giá trị còn lại của tài sản bộ phận theo vị trí của tài sản, nếu tài sản của mỗi bộ phận đó chiếm từ 10% tổng tài sản trở lên của toàn bộ các khu vực địa lý; và
- Tổng chi phí đã phát sinh trong kỳ để mua tài sản cố định - tài sản bộ phận dự kiến sẽ sử dụng nhiều hơn một năm (TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình và các tài sản dài hạn khác) theo vị trí của tài sản, nếu tài sản của bộ phận đó chiếm từ 10% tổng tài sản trở lên của các bộ phận.

36. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

36.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Bộ phận theo khu vực địa lý của Tập đoàn được xác định theo địa điểm của tài sản của Tập đoàn. Doanh thu bán hàng ra bên ngoài trình bày trong bộ phận theo khu vực địa lý được xác định dựa trên địa điểm địa lý của khách hàng của Tập đoàn.

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Tập đoàn được tổ chức theo các đơn vị kinh doanh dựa trên các sản phẩm và dịch vụ và bao gồm các bộ phận báo cáo theo hoạt động như sau:

- Sản xuất: sản xuất và bán phân bón, ống nhựa và các công cụ dụng cụ khác dùng trong nông nghiệp;
- Thương mại và dịch vụ: quản lý tài sản và mua bán hàng hóa;
- Xây dựng: xây dựng chuồng trại; và
- Nông nghiệp: trồng và thu hoạch cây ăn quả, chăn nuôi heo.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các bộ phận được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho việc ra quyết định, phân bổ nguồn lực và đánh giá thành tích. Thành tích của các bộ phận được đánh giá dựa trên kết quả lãi lỗ mà trên một số khía cạnh, như được trình bày trong bảng dưới đây, được đo lường khác với kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Nguồn tài trợ, bao gồm thu nhập và chi phí từ hoạt động tài chính; và thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý tập trung ở cấp độ Tập đoàn chứ không phân bổ cho các bộ phận.

Báo cáo bộ phận của hoạt động kinh doanh bóng đá đã được trình bày vào hoạt động thương mại và dịch vụ trong năm vì đây không phải là hoạt động chính của Tập đoàn hiện nay.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

36. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

36.1 *Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh* (tiếp theo)

Ngàn VND

	Thương mại và dịch vụ	*Nông nghiệp*	*Loại trừ*	*Tổng cộng*
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024				
Doanh thu				
Từ khách hàng bên ngoài	638.120.443	5.144.929.559	-	5.783.050.002
Giữa các bộ phận	4.049.410.027	1.312.452.566	(5.361.862.593)	-
Tổng cộng	**4.687.530.470**	**6.457.382.125**	**(5.361.862.593)**	**5.783.050.002**
Kết quả của bộ phận	43.591.738	2.128.321.252	-	2.171.912.990
Chi phí không phân bổ				(741.443.904)
Lợi nhuận trước thuế, doanh thu tài chính và chi phí tài chính				1.430.469.086
Doanh thu tài chính				280.428.437
Chi phí tài chính				(688.075.391)
Lợi nhuận trước thuế				1.022.822.132
Chi phí thuế TNDN hiện hành				(922.479)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại				38.222.168
Lợi nhuận sau thuế TNDN trong năm				**1.060.121.821**
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024				
Tài sản và nợ phải trả				
Tài sản của bộ phận	7.487.468.102	14.643.638.912		22.131.107.014
Tiền				149.708.825
Tổng tài sản				**22.280.815.839**
Nợ phải trả của bộ phận	(4.791.087.350)	(7.745.711.886)		(12.536.799.236)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	(418.388.483)		(418.388.483)
Tổng nợ phải trả				**(12.955.187.719)**

36. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

36.1 *Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh* (tiếp theo)

Ngàn VND

	Thương mại và dịch vụ	*Nông nghiệp*	*Loại trừ*	*Tổng cộng*
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025				
Doanh thu				
Từ khách hàng bên ngoài	1.282.333.903	6.149.940.339	-	7.432.274.242
Giữa các bộ phận	6.914.108.502	1.716.272.727	(8.630.381.229)	-
Tổng cộng	**8.196.442.405**	**7.866.213.066**	**(8.630.381.229)**	**7.432.274.242**
Kết quả của bộ phận	(20.764.031)	2.726.209.254	-	2.705.445.223
Chi phí không phân bổ				(1.083.754.085)
Lợi nhuận trước thuế, doanh thu tài chính và chi phí tài chính				1.621.862.088
Doanh thu tài chính				295.376.240
Chi phí tài chính				284.396.200
Lãi từ công ty liên kết				170.950
Lợi nhuận trước thuế				2.201.634.528
Chi phí thuế TNDN hiện hành				-
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại				38.516.857
Lợi nhuận sau thuế TNDN trong năm				**2.240.151.385**
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025				
Tài sản và nợ phải trả				
Tài sản của bộ phận	11.097.783.613	14.598.170.479	-	25.695.954.092
Tiền				679.528.813
Đầu tư vào công ty liên kết				6.145.591
Tổng tài sản				**26.381.628.496**
Nợ phải trả của bộ phận	(5.202.800.143)	(6.610.822.455)	-	(11.813.622.598)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				(385.407.140)
Tổng nợ phải trả				**(12.199.029.738)**

36. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

36.2 *Bộ phận theo khu vực địa lý*

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý của Tập đoàn như sau.

Ngàn VND

	Việt Nam	*Lào*	*Campuchia*	*Khác*	*Tổng cộng*
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024					
Doanh thu					
Doanh thu từ khách hàng bên ngoài	2.344.341.999	1.417.181.096	903.344.935	1.118.181.972	5.783.050.002
Chi phí hình thành tài sản cố định	135.775.261	428.155.574	281.299.130	-	845.229.965
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024					
Các thông tin bộ phận khác					
Tài sản bộ phận	13.823.574.707	6.195.798.116	2.111.734.191	-	22.131.107.014
Tiền					149.708.825
Tổng tài sản					**22.280.815.839**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025					
Doanh thu					
Doanh thu từ khách hàng bên ngoài	3.497.817.271	2.085.880.362	1.004.027.063	844.549.546	7.432.274.242
Chi phí hình thành tài sản cố định	1.226.876.261	387.360.815	1.799.702	-	1.616.036.778
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025					
Các thông tin bộ phận khác					
Tài sản bộ phận	11.407.001.791	8.749.838.675	5.539.113.626	-	25.695.954.092
Tiền					679.528.813
Đầu tư vào công ty liên kết					6.145.591
Tổng tài sản					**26.381.628.496**

37. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Vào ngày 16 tháng 1 năm 2026, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng toàn bộ 91.375.000 cổ phiếu HNG cho các nhà đầu tư khác, với tổng giá trị chuyển nhượng là 593.937.500 ngàn VND và ghi nhận khoản lãi từ việc thanh lý là 45.093.562 ngàn VND.

Vào ngày 26 tháng 3 năm 2026, Công ty đã hoàn tất nghĩa vụ thanh toán theo Văn bản Thỏa thuận ngày 9 tháng 12 năm 2025 với DATC, bao gồm việc thanh toán toàn bộ nợ gốc trái phiếu với giá trị 1.099.000.000 ngàn VND và lãi trái phiếu với giá trị 480.371.799 ngàn VND. Vào ngày 31 tháng 3 năm 2026, Công ty đã nhận được thông báo về việc giảm trừ nghĩa vụ trả nợ cho DATC liên quan đến khoản nợ lãi trái phiếu còn lại tại ngày 26 tháng 3 năm 2026 với tổng giá trị 1.534.505.139 ngàn VND. Theo đó, Tập đoàn được xác nhận không còn nghĩa vụ phải trả nợ trái phiếu với DATC tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Không có các sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

Phạm Thị Thu Hà	Lê Trương Y Trâm	Nguyễn Xuân Thắng
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2026